

SỐ 1668

LUẬN THÍCH MA HA DIỄN TỰA

Nghe rằng đài gương mặt trăng-châu ngọc mặt trời, ở gần bên cung thiên núi chúa, đi vào theo hai đường, dạo qua trăm cõi nước nhờ vào các pháp quán, thông suốt muôn cõi Phật nêu lên cao nhất hạt minh châu hoan hỷ, nhìn trộm cung điện linh thiêng chốn tịch diệt, dẫn dắt nghe được ở xưa kia, mà vẫn còn không cảm giác được trăm khu vực vĩnh cửu ấy, sống sờ suy nghĩ, rồi lúc ấy mới bắt đầu hiểu ra. Trước kia nghe tiếng ca ngợi của ngũ phố, đứng lặng trông chờ sự giáo hóa, trông thấy hình thể hư huyền của dấu vết, ngược nhìn cõi phong trần phân tán. Sau quả nhiên gặp được kho tàng Ma-ni báu đến tận phía Đông, khác nào nhờ vào châu ngọc của mạng lưới Đà-la-ni, mà được quay về hằng hà sa thế giới, từ trong niềm vui sướng tuyệt vời mà đạt được tâm chẳng? Ngồi đài sen nơi Kỳ Viên, bỏ đi để mong làm đài gương rùa vàng bày tỏ, thừa vui mừng từ bên ngoài mà ngược nhìn trước mắt chẳng? Chậm rãi hương về đài cao dần hiện rõ, đừng trở về mà kính trọng ngôi sao sáng ư? Trăm mới hiểu rằng hoa cỏ tốt tươi nhờ vào khu rừng quý báu của bảy giác, trồng giống hoa sen vào hồ nước châu ngọc của tám đức, lại hoan hỷ hưởng về, tức thì khẩn cấp từ nay về sau, lại dùng bánh xe vàng tự đến phương Đông, thích ứng với khu vực của uy môn, bài kệ của Đạo Vương đặt trước tập sách, đài gương châu ngọc trên núi cao đã hạ thấp xuống, đến trước mặt của hằng hà sa thế giới. Văn của Ma Da đã từng ghi, từ đời vị lai có tám vạn bốn ngàn pháp, môn mà lần lượt chuyển đến phương Đông, và quá khứ năm trăm năm

mà ngọc châu giác ngộ đến phương Nam rồi, đó là giáo pháp ấy mà. Ở trong Quán Âm cầu xin tay mắt được rảnh rang, mà nhìn chăm chú để tìm tòi giáo môn vượt qua số hằng hà sa, đó là nghĩa lý ấy mà. Ở trong kinh Thi Ca La Việt Lục Phương Lễ dựa vào công của mạng lưới ngọc châu, mà chiếu sáng bày rõ nghĩa lý nhiều như bụi trần. Dùng đức trong sáng của Thánh giả Mã Minh, biểu hiện đầy đủ cho đương thời. Đại sĩ Long Thọ, là điềm lành của vầng mây kỳ diệu, mở đường cho bốn phương, mênh mông vi vu, tự mình không phải kết thành thệ nguyện ở trong núi rừng, gieo trồng hai nhân ở trong hồ hương, có lẽ nào treo cao ngọc châu phát triển nguồn nước, che kín với Di Lạc về trước, bày bí mật hết sức tin phục, bình thường với Thích Ca về sau ư?

Giải thích về Luận Ma-ha-diễn, đây chính là truy tìm kỹ căn nguyên kho tàng bí mật của đại dương tánh của tâm, hết sạch nguồn gốc ngôn từ sâu thẳm của nhân thực hành, lấy vầng sao mà vượt quá ngọc sáng mặt trăng, quân tử chẳng biết chỉ quy đó, dùng hoa gấm mà đến được cương vực mặt trời, so với chủng loại không lường được bến bờ giới hạn, có thể nói là trong một ngọn núi tồn tại hai mặt trăng mặt trời, trong một thế giới có hai vị hoàng đế. Trẫm nghe bản Phạm Văn đó trước kia nằm ở vùng Trung Thiên Trúc, sai người tôn trọng đón về, gần đến ranh giới phương Đông, vào thượng tuần tháng chín năm Tinh Kỷ niên hiệu Hoàng Thỉ thứ ba, ở tại chùa Đại Trang Nghiêm, đích thân được nhuận sắc, cung kính phiên dịch luận này. Người phiên dịch thẳng ra là Tam Tạng Phiệt Đề Ma Đa, người truyền thọ tục ngữ là Lưu Liên Đà..., người cầm bút viết là Tự Hiền Kim..., từ lúc bắt đầu đến khi kết thúc tròn hai năm sao chép hoàn tất luận văn. Trước mặt hai vầng mặt trăng mặt trời đối diện trọn vẹn, từng mục của chòm sao vốn có dẫn dắt, dòng nước của sông ngòi được lắng trong, sóng lớn của biển khơi rào rạt. Trẫm chưa đạt tới chỗ tường tận, có vòng xe vàng ở trên mặt đất, đi vào núi Diệu Cao ở trong bàn tay, tinh tế thay cửa ngõ mừng vui rộng khắp pháp giới, vĩ đại thay căn nhà thanh tịnh đi vào trong mảy lông Thiếu đi lý này, tuyệt đối không xứng với nghĩa lý văn từ của luận, xa rời ví như so với màu sắc của bức tranh. Lời nói thì trẫm chê trách Tịnh Danh, trò chuyện thì trẫm nói ra Thiện Cát. Nhưng lời nói đầu, trú vào lý tuyệt vời mà ngâm nga, ngăn lại từ ngữ sai mà lặng lẽ, phá đổ đài cao quan sát ấy chẳng nơi nào mở rộng như hư không, hủy diệt đài gương vàngngọc ấy không tiên tan dấu tích ngàn năm. Trẫm dùng lời để chỉ trích không thể lạm dụng vầng trăng mà thỉnh cầu văn tự, quay về dựa vào văn tự giả danh, nhất định nói rõ để soạn lời thô lậu, mà viết ra lời tựa như vậy.

LUẬN THÍCH MA HA DIỄN

Long Thọ Bồ-tát tạo luận.

Hán dịch: Đời Điều Tần, Tam Tạng Phiệt Đề Ma Đa.

QUYỂN 1

*Đảnh lễ Giác viên mãn
Giác Pháp tạng chứng đắc
Và Đại sĩ tạo luận
Cùng các chúng Hiền Thánh.
Muốn mở cửa Bồ thí
Tạm hiển hướng quả vị
Lợi ích các chúng sanh
Báo ân sư muôn một.*

Luận nêu: Nay soạn ra luận này nhằm giải thích lại về Đại thừa (Ma-ha-diễn), là muốn biểu hiện rõ thể sâu xa khó hiểu và vi diệu vô cùng của bậc thầy mình. Nếu người chưa được chứng đạt đích thực và chưa ra khỏi hạnh tà, thì tối tăm mờ mịt thực sự không nhìn thấy được gì, vì Ma-ha-diễn vượt lên trên cảnh giới của tư duy. Hoặc là muốn khiến cho chúng sanh căn cơ lợi độn, mở ra cánh cửa vào nhanh pháp Phật (giáo lý đốn nhập), chỉ rõ các vị trí tu hành tiệm tiến hưởng đến hội nhập chân lý rất sâu xa. Hoặc do bậc thầy dừng lại những điều có hại đối với ý thức, tư tưởng rất là sâu nặng, để đền đáp phần nào đại ân đức của thầy. Hoặc là bí mật quán xét chúng sanh đời vị lai, sẽ nảy sinh rất nhiều sự tranh chấp phá bỏ tông chỉ của luận. Hoặc đích thân lắng nghe tiếp nhận niềm vui trong tâm (A-thế-da). Vì có các nhân duyên như vậy, nên cần phải soạn ra luận này.

Đã nói về phần gốc của luận, tiếp đến nói về sự khác biệt của luận. Luận này có bao nhiêu loại, bao nhiêu luận đã thấu gồm, luận Ma-ha-diễn thuộc về loại nào? Tụng nói:

*Mười vạn chín ngàn bộ
Mười luận thấu tóm chung
Ma Ha La, Bạt Đề
Ô Xá Ma, Xà Tha luận
Luận Phiệt Na, Đề Xá
A Bộ Đế, Bạt Ma
Ô Ha Ma Tăng Na
Và Kiện Bà Ma Ca.*

Luận nói: Tập hợp tất cả các luận thuộc các loại suốt một thế hệ, tổng quát có mười vạn chín ngàn bộ. Các luận như vậy được thấu gồm trong mười bộ lớn. Sao nói là mười bộ? Đó là:

1. Luận Ma Ca La.
2. Luận Bạt Đề.
3. Luận Ô Xá Ma.
4. Luận Xà Tha.
5. Luận Phiệt Na Đề Xá.
6. Luận A Bộ Đế.
7. Luận Bạt Ma.
8. Luận Hô Ha.
9. Luận Ma Tăng Na.
10. Luận Kiện Bà.

Đây gọi là mười bộ luận. Luận Ma-ha-diễn thuộc về Luận Như Ý. Bộ luận do Bồ-tát Mã Minh soạn thuật, luận đó kể ra có bao nhiêu văn, bao nhiêu nghĩa, là Ma-ha-diễn thuộc về loại nào? Tụng nói:

*Gồm có một trăm bộ
Chín mươi chín loại văn
Mười loại nghĩa thấu tóm
Luận này thuộc sách quý.*

Luận nói: Các luận do Bồ-tát Mã Minh soạn thuật gồm có một trăm bộ, ở trong một trăm bộ, có chín mươi chín loại thuộc vào luận Hoa Văn, còn lại mười loại luận thấu tóm thuộc vào Nghĩa luận. Luận này thuộc vào loại sách quý. Mười loại thấu tóm thuộc Nghĩa luận, tên gọi các luận ấy thế nào, luận đó đã khai triển đồng nhất hay biệt lập? Tụng nói:

Biến Mãn cùng Quy Chân

*Trung Tạng cùng Vi Diệu
Hợp Nhất và Tam Muội
Luận Thanh Tịnh, Bốn Nguyên
Luận Huyền Lý, Khởi Tín
Kiến lập đồng một tướng.*

Luận nói: Thế nào là mười loại? Đó là:

1. Luận Nhất Tâm Biến Mãn.
2. Luận Dung Tục Quy Chân.
3. Luận Pháp Giới Trung Tạng.
4. Luận Bí Mật Vi Diệu.
5. Luận Chúng Mạng Hợp Nhất.
6. Luận Tam Muội Chân Chư.
7. Luận Tâm Tánh Thanh Tịnh.
8. Luận Bất Động Bốn Nguyên.
9. Luận Thâm Thâm Huyền Lý.
10. Luận Đại Thừa Khởi Tín.

Đây là tên gọi của mười bộ luận. Như vậy mười bộ luận ấy về số lượng khác nhau, nhưng tướng thiết lập là cùng một loại.

Đã nói về sự sai biệt của luận, tiếp theo nói về sự sai biệt của tạng. Tạng có bao nhiêu loại, bao nhiêu tạng đã thu tóm, Luận Ma-ha-diễn thuộc về loại nào? Tụng nói:

*Hoặc năm mươi một tạng
Hoặc chỉ mười như kinh
Thâu chung vào ba Tạng
Luận hoặc chung hoặc riêng.*

Luận nói: Năm mươi một tạng là phân biệt nhân, quả, biểu thị cho công đức để dẫn dắt người thực hành. Trong Kinh Kim Cang nói như vậy: “Đức Phật dạy: Này Phật tử! Ta sẽ vì ông dùng ngôn từ vô ngại, tuyên thuyết khai bày rõ năm mươi tạng về nhân và một tạng về quả”. Do đó, hoặc có mười Tạng. Sao nói là mười Tạng? Đó là:

1. Chỉ thiết lập một tạng thu tóm toàn bộ các pháp, gọi là Tạng Pháp Giới Pháp Luân. Trong Kinh Viên Mãn (Hoa Nghiêm) nói như vậy: “Tất cả chúng sanh vốn có lời nói, âm thanh, không có loại nào không gồm thâu vào âm thanh pháp luân của Như Lai”.

2. Thiết lập hai tạng thu tóm toàn bộ các pháp, đó là tạng Thanh văn và tạng Bồ-tát. Trong Kinh Tổng Trì (Đại Thừa Phương Quảng) nói như vậy: “Pháp môn tuy vô biên nhưng không ra ngoài hai Tạng”.

3. Thiết lập ba Tạng thu tóm toàn bộ các pháp, đó là thêm vào

Như Lai tạng. Trong Kinh Quang Minh (Kim Quang Minh) nói như vậy: “Hết thầy chư Phật nhiều hơn số hằng hà sa, chỉ nhằm tuyên thuyết về pháp tạng Thanh văn, pháp tạng Bồ-tát và pháp Như Lai tạng, lại không bỏ sót một đạo lý nào”.

4. Thiết lập bốn tạng thân tóm toàn bộ các pháp, đó là thêm vào Tạng Bồ Đặc Già La. Trong Kinh Đạo Phẩm nói như vậy: “Này Phật tử! Hãy lắng nghe rõ, Ta sẽ vì ông nói về pháp giải thoát, đó là tạng nhân, tạng nghĩa, tạng lễ, tạng trí cho đến tạng tín cùng tạng Thanh văn, tạng Bồ-tát và tạng pháp Đại giác. Nguyên cố thế nào? Vì để cho những người thực hành dần dần chuyển vận pháp theo thứ tự được thắng lợi”.

5. Thiết lập năm tạng thân tóm toàn bộ các pháp, đó là thêm vào tạng Thiên. Trong Kinh Thiên Tử nói như vậy: “Đức Phật nói với Da Luận: Không thể dùng ngôn ngữ diễn tả được sự thanh tịnh của báo không, Ta sẽ vì đại chúng tuyên thuyết rộng về phạm vi của tạng Tịnh, tạng Nhân và tạng Nhị thừa cùng pháp tạng Đại giác của hết thầy chư Phật”.

6. Thiết lập sáu tạng thân tóm toàn bộ các pháp. Đó là thêm vào tạng Nại-lạc-ca. Trong Kinh Bồ Úy nói như vậy: “Ta ngồi bất động phân biệt tuyên thuyết về tám vạn bốn ngàn tạng Nại-lạc-ca”. Như trước đã nói về năm loại tạng.

7. Thiết lập bảy tạng thân tóm toàn bộ các pháp. Đó là thêm vào tạng Ma La Cưu Đa Da. Trong Kinh Ban Mẫu nói như vậy: “Nay Ta dùng lời chân thật vì Ban Mẫu cùng một ức bảy vạn ba ngàn đại chúng, phân biệt tuyên thuyết về năm vạn một ngàn ba trăm lẻ hai loại tạng Quỷ thần”. Như trước đã nói về sáu loại tạng.

8. Thiết lập tám tạng thân tóm toàn bộ các pháp. Đó là thêm vào tạng Kiện Bà Đà Na Bạt. Trong Kinh Long Vương nói như vậy: “Long vương Nan Đà phát ra tám ngàn câu hỏi, thưa hỏi Đức Như Lai. Đức Phật mở ra mười ức thuộc về tạng Bàn sanh đạo”. Như trước đã nói về bảy loại tạng.

9. Thiết lập chín tạng thân tóm toàn bộ các pháp. Đó là thêm vào tạng Khí Thế Giới. Trong Kinh Thế Giới nói như vậy: “Bấy giờ, Đức Thế Tôn nói với Thọ Thân: Lành thay! Lành thay! Như ông đã nói, nếu muốn nghe về điều ấy, nay Ta sẽ vì ông phân biệt diễn giảng nói về tạng Sở y chỉ”. Như trước đã nói về tám loại tạng.

10. Thiết lập mười tạng thân tóm toàn bộ các pháp. Đó là thêm vào tạng Tạp loạn. Trong Kinh Âm Thanh nói như vậy: “Nay Ta khai bày rõ ràng về tám loại tạng Tạp loạn”. Như trước đã nói về chín loại

tạng.

Đây gọi là mười tạng. Các tạng như vậy thâu tóm toàn bộ mười ức tám ngàn pháp tạng.

Ba tạng căn bản hoặc thâu tóm cả mười tạng. Sao nói là ba tạng? Đó là:

1. Tạng Tố Đất Lãm (tạng Kinh).
2. Tạng Tỳ Nại Da (tạng Luật).
3. Tạng A Tỳ Đạt Ma (tạng Luận). Đây gọi là ba tạng.

Luận Ma-ha-diễn hoặc là thâu vào các tạng, hoặc chỉ thâu vào Tạng A Tỳ Đạt Ma. Vì vậy tụng nói “Hoặc chung-hoặc riêng”. Chung nghĩa là nối thông toàn bộ, riêng có nghĩa là lựa chọn khác biệt. Chủ quản các pháp thực hành đó tùy thuận tiếp nhận không mất, vì lẽ ấy lập tên gọi là Tạng.

Đã nói về sự sai biệt của Tạng, tiếp đến nói về sự sai biệt của kinh.

Kinh có bao nhiêu số và bao nhiêu đã gồm thâu? Luận Ma-ha-diễn này thì những kinh nào làm nơi nương dựa? Tụng nói:

*Gồm trăm số Lạc xoa
Thâu mười hai bộ kinh
Tu-đa-la - Kỳ Dạ
Cùng Tỳ Già La Na
Già Đà, Ưu Đà Na
Cùng với Ni Đà Na
Kinh A Ba Đà Na
Y Đế Mục Đa Già
Xà Đà Già, Phật Lược
A Phù Đà, Đạt Ma
Kinh Ưu Ba Đề Xá
Dựa hoặc chung hoặc riêng.*

Luận nói: Tập hợp tất cả các kinh thuộc các loại trong một đời Đức Phật thuyết ra có một trăm ức bộ, các kinh như vậy gồm thâu vào mười hai bộ kinh lớn. Những gì là mười hai bộ? Đó là:

1. Tu-đa-la là Khế kinh.
2. Kỳ Dạ là Trùng Tụng.
3. Tỳ Già La Na là Cô Khởi.
4. Già Đà là Phúng Tụng.
5. Ưu Đà Na là Tự Thuyết.
6. Ni Đà Na là Nhân Duyên.

7. A Ba Đà Na là Thí Dụ.
8. Y Đế Mục Đa Già là Bốn Sự.
9. Xà Đà Già là Bốn Sanh.
10. Tỳ Phật Lược là Phương Quảng.
11. A Phù Đà Đạt Ma là Vị Tăng Hữu.
12. Ưu Ba Đề Xá là Luận Nghị.

Đây gọi là mười hai bộ. Kinh căn bản làm nơi nương dựa của Luận Ma-ha-diễn, hoặc là chung, hoặc là riêng. Chung nghĩa là nối thông toàn bộ, riêng có nghĩa là lựa chọn khác biệt. Văn cú trong Luận Ma-ha-diễn thì hẹp và ít là hết sức nhỏ, ít, tại sao đại dương của Khế kinh là vô lượng vô biên lại chung làm chỗ dựa? Vì như Bà Tát Y Già cho phép, như Tiêu Đa La dẫn đưa, vì vậy không có sai lầm gì. Kinh làm chỗ dựa riêng thì số đó có bao nhiêu, tên gọi như thế nào và quyền thuộc của mỗi thứ là bao nhiêu? Tụng nói:

*Gồm một trăm Khế kinh
Như Quang Minh Đại Giác ...
Năm mươi đầu đều trăm
Năm mươi sau đều ngàn.*

Luận nói: Kinh làm nơi nương dựa riêng của Luận Ma-ha-diễn, gồm có một trăm kinh. Những gì là một trăm? Đó là:

1. Kinh Quang Minh Đại Giác.
2. Kinh Thập Thâm Thuận Lý.
3. Kinh Kim Cang Tam muội.
4. Kinh Chư Pháp Vô Hành.
5. Kinh Thọ Lâm Thuyết Pháp.
6. Kinh Vô Tận Nhất Địa.
7. Kinh Thanh Tịnh Như Như.
8. Kinh Tự Tánh Tự thể.
9. Kinh Đại Thừa Đồng Tánh.
10. Kinh A-lê-da Thức.
11. Kinh Quả Viên mãn.
12. Kinh Hư Không Đẳng.
13. Kinh Tam Tam muội.
14. Kinh Nhất Tâm Pháp.
15. Kinh Bốn Tánh Trí.
16. Kinh Chân Pháp Giới.
17. Kinh Nhiếp Vô Lượng.
18. Kinh Tối Thượng Cực.

19. Kinh Duy Ma Cát.
20. Kinh Lăng Già Vương.
21. Kinh Trung Thật.
22. Kinh Vô Thi.
23. Kinh Thập Nhân.
24. Kinh Luân Chuyển.
25. Kinh Từ Vân.
26. Kinh Khí Tâm.
27. Kinh Vô Vị.
28. Kinh Hiền Thánh.
29. Kinh Ẩn Mật.
30. Kinh Hoa Nghiêm.
31. Kinh Đại Phẩm.
32. Kinh Tích Diệt.
33. Kinh Thánh Quý.
34. Kinh Biến Duyên.
35. Kinh Huân Tập.
36. Kinh Phật Tánh.
37. Kinh Huyền Lý.
38. Kinh Lăng Già.
39. Kinh Bốn Nghiệp.
40. Kinh Uẩn Cao Sơn.
41. Kinh Quy Bốn.
42. Kinh Chân Tu.
43. Kinh Bát Đức.
44. Kinh Phật Tuệ.
45. Kinh Duyên Khởi.
46. Kinh Nhất Thế.
47. Kinh Tự Phật.
48. Kinh Đại Hải.
49. Kinh Vô Tướng.
50. Kinh Biến Chân Như.
51. Kinh Thập Chủng Như Lai tạng.
52. Kinh Tam Thân Bốn Hữu.
53. Kinh Bát thức Thông Đạt Duyên.
54. Kinh Chúng Sanh Thân Đẳng Pháp.
55. Kinh Chư Phật Vô Tận Tạng.
56. Kinh Tán Thán Bất Thiện Phẩm.

57. Kinh Chư Pháp Đồng Nhất Tướng.
58. Kinh Nhất Thể Đại Bi Quán.
59. Kinh Như Như Bốn Trí Tuệ.
60. Kinh Trần Trần Pháp Giới Sát Độ.
61. Kinh Luân Chuyển Bốn Tế.
62. Kinh Pháp Giới Pháp Luân.
63. Kinh Đại Trí Bốn Hữu.
64. Kinh Bình Đẳng Pháp Giới.
65. Kinh Tứ Tướng Thường Trú.
66. Kinh Chân Như Nhất Tướng.
67. Kinh Lưu Chuyển Bất Động.
68. Kinh Tịch Tĩnh Niết Bàn.
69. Kinh Thông Đạt Âm Thanh.
70. Kinh Như Lai tự tướng.
71. Kinh Phu Nhân.
72. Kinh Pháp Môn.
73. Kinh Bát Dụ.
74. Kinh Trung Tại.
75. Kinh Tổng Trì.
76. Kinh Bất Động.
77. Kinh Lương Trí.
78. Kinh Đạo Trí.
79. Kinh Bốn giác.
80. Kinh Đại Vô Lượng.
81. Kinh Tự Nhiên Bốn Quả.
82. Kinh Thâm Thâm Pháp Tạng.
83. Kinh Nhất Đạo Thanh Tịnh.
84. Kinh Thập Chủng Vọng Tướng.
85. Kinh Pháp Môn Hiển Liễu.
86. Kinh Cảnh Giới Viên mãn.
87. Kinh Quang Minh Thật Trí.
88. Kinh Nhân Quả Đồng Thể.
89. Kinh Tâm Thần Bất Không.
90. Kinh Chân Trí Vô Sanh Hạnh.
91. Kinh Vô Ngại Giải Thoát.
92. Kinh Tùy Duyên Tăng Trưởng.
93. Kinh Pháp Tánh Thật tế.
94. Kinh Quảng Đại Hư Không.

95. Kinh Bốn Nhân Duyên Khởi.
96. Kinh Chư Pháp Vô Vi.
97. Kinh Bốn Lai Thanh Tịnh.
98. Kinh Tu Hành Đạo Địa.
99. Kinh Bất Tu Cự Đức.
100. Kinh Ma Ha Tát Vân Nhã.

Đây là tên gọi một trăm kinh. Như vậy quyển thuộc của một trăm kinh này, như dưới đây thì năm mươi kinh đầu đều có số trăm, năm mươi kinh sau đều có số ngàn. Nêu lên mục lục của kinh là rõ mạng lưới của luận. Phần sau sẽ tùy văn để mở bày rõ.

Đã nói về sự sai biệt của kinh, tiếp theo sẽ nói về người soạn ra luận. Những kinh nêu bày khác nhau, số đó có bao nhiêu, nay Sư Mã Minh thuộc về nơi nào? Tụng nói:

*Gồm có sáu Mã Minh
Khế kinh giới thiệu khác
Nhưng thuận căn cơ hợp
Không có tướng sai trái.*

Luận nói: Tập hợp tất cả các kinh trong một đời Đức Thế Tôn thuyết giảng thì có nhiều loại văn khác nhau, tổng quát có sáu loại. Thế nào là sáu loại? Đó là:

1. Trong Kinh Đại Thừa Bốn Pháp nói như vậy: “Đấng Đại Giác vô thượng thuyết về duyên nhập Niết-bàn, Bồ-tát Mã Minh liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đầu lạy sát chân Phật, chấp tay cung kính, hướng về Đức Thế Tôn nói kệ:

*Vô Thượng Tôn đầy đủ đại từ
Vô biên biển kiếp đủ vạn hạnh
Chỉ vì từ bi thương mọi loài
Đức Phật tự nói nhập Niết-bàn.
Con cùng tất cả các đại chúng
Mờ mịt hoang mang, tâm bất loạn
Đầy đủ đại từ Thế Tôn còn
Bỏ đàn con đến thế giới khác
Hướng hồ con từ bi chưa đủ
Theo Đức Phật đến thế giới khác.*

Bấy giờ, Mã Minh nói kệ này xong, nhìn thấy đôi mắt Đức Phật từ từ tự mạng chung”.

2. Trong Kinh Biến Hóa Công Đức nói như vậy: “Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Mã Minh: Hơn ba trăm năm sau khi Ta diệt độ, ông

nên kế thừa tiếp theo Ta, gắng sức dùng các loại pháp phương tiện tạo lợi ích an lạc cho chúng sanh đời vị lai. Nếu như Ta không tiếp thêm sức lực thì ông sẽ không có khả năng thực hiện”.

3. Trong Kinh Ma Ha Ma Da giải thích như vậy: “Sáu trăm năm sau khi Đức Như Lai diệt độ, dấy lên chín mươi sáu loại ngoại đạo, cùng với những kiến giải sai lầm tranh nhau xuất hiện hủy diệt pháp Phật, có một vị Tỳ Kheo tên là Mã Minh, khéo giảng giải về pháp yếu, hàng phục tất cả các đám ngoại đạo”.

4. Trong Kinh Thường Đức Tam Muội giải thích như vậy: “Sau khi Đức Phật diệt độ trong khoảng tám trăm năm, có một người trí tuệ tên là Mã Minh, hoặc là từ nơi chúng ngoại đạo, hoặc là đệ tử nhà Phật, phá trừ các ngoại đạo kiến lập pháp Phật”.

5. Trong Kinh Ma Ni Thanh Tịnh nói như vậy: “Hơn một trăm năm sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn, Đại sĩ Mã Minh xuất hiện giữa thế gian, giữ gìn bảo vệ chánh pháp, dựng lên ngọn cờ Phật giáo”.

6. Trong Kinh Thắng Đảnh Vương nói như vậy: “Như Lai thành đạo ngày thứ mười bảy, có một ngoại đạo tên là Ca La Nặc Cưu Thi Ma, biến hóa thân mình làm Đại Long Vương, hiện rõ tám mươi sáu ngàn đầu với tám mươi sáu ngàn lưỡi, trong một lúc phát khởi tám mươi sáu ngàn tướng trạng khác nhau chất vấn Phật, hỏi Như Lai. Như Lai lập tức trả lời làm ba lớp, giải thích tất cả các vấn nạn kia. Lúc ấy, Long vương lại làm mười lớp (lần) hỏi Phật. Phật làm một trăm lớp (lần) giải đáp. Như vậy hỏi đáp xong, Đức Phật nói với Long vương: Lành thay! Lành thay! Sa-môn Mã Minh, vì nhằm bảo vệ thành lũy giáo pháp, dùng tướng trạng phá hoại để xây dựng pháp Phật, nhẫn nại và cũng chịu khó, luôn tu như vậy, luôn hành như vậy, đừng đi loanh quanh lối nhỏ mà hãy đi khắp tất cả mọi nơi. Thế là Long vương dùng thân hình vốn có của mình xả bỏ tướng trạng súc sanh, đến trước Đấng Vô Thượng thành kính lễ bái và xin phép lui bước, dung mạo hoan hỷ hưởng về Đức Thế Tôn, lại nói tụng:

*Khéo thay, khéo thay lời Phật dạy!
Qua sự lắng nghe từ tai con
Tự mình giả dối hay chân thật
Trong tâm con vô cùng nghi ngờ.
Con không phải là thân súc sanh
Con không phải là chúng ngoại đạo
Để tán thán, hóa làm súc sanh
Biến hóa thành hình tướng như vậy.*

*Đức Thế Tôn biết rõ như gương
Con ẩn hình ở tại cõi này
Xuất hiện nơi các thế giới khác
Như lời dạy đi khắp mọi nơi.*

Bấy giờ, Mã Minh trình bày kệ này xong, như đi vào trong căn nhà vắng lặng nhập thiền định”.

Đây gọi là sáu loại.

Như vậy các kinh đều nói khác nhau, tùy theo căn cơ hiện tại tiếp nhận không có gì sai trái nhau. Bồ-tát Mã Minh là người đang ở địa nào? Cõi nào? Nguyên nhân gì mà Mã Minh sinh ra? Tụng nói:

*Vốn là Đức Phật Đại Quang Minh
Tức nhân ở trong địa Bất Động
Xuất hiện nơi vùng Tây Thiên Trúc
Thuận theo quá khứ lập tên gọi.*

Luận giải thích: Bồ-tát Mã Minh nếu nói về Bồn địa thì chính là Đức Phật có danh hiệu là Đại Quang Minh. Nếu luận về Nhân địa thì chính là Bồ-tát ở trong địa trú thứ tám, sinh ra ở vùng Tây-Thiên Trúc, cha tên là Lư Già, mẹ tên là Cù Na, phát sinh lợi ích như nhau vì cùng chung tâm nguyện. Trong đời quá khứ, có một vị Đại vương tên là Luân Đà, có hàng ngàn loài chim màu trắng đều có tiếng hót rất hay. Nếu chim cất tiếng hót thì phước đức của Đại vương tăng lên, nếu như chim không cất tiếng hót thì phước đức của Đại vương giảm đi. Các loài chim như vậy, nếu thấy ngựa trắng thì cất lên tiếng hót rất hay, nếu lúc không thấy ngựa trắng thì luôn im lặng không hót. Lúc ấy, Đại vương đi khắp nơi cầu tìm ngựa trắng nhưng suốt cả ngày vẫn không tìm được, liền nói như vậy: Nếu như chim hót này thuộc chúng ngoại đạo, thì đều sẽ phá niềm tin, sự tôn trọng duy nhất vào Phật giáo. Hoặc là chim này thuộc đệ tử Phật thì khi hót lên, đều sẽ phá tan sự tôn trọng, tin tưởng duy nhất vào giáo lý ngoại đạo. Khi đó, Bồ-tát dùng sức thần thông, hiện ra một ngàn ngựa trắng hý vang và một ngàn chim trắng cất tiếng hót, tiếp nối phát huy làm hưng thịnh chánh pháp khiến không đoạn dứt, vì vậy Đức Thế Tôn gọi Bồ-tát ấy tên là Mã Minh.

Đã nói về những tướng sai khác của người soạn luận. Tiếp theo, nêu nguyên bản để giải thích. Bồn luận. (Luận gốc) nói:

*Quy mạng khắp mười phương
Nghịệp tối thắng, trí khắp
Sắc vô ngại tự tại
Đại bi cứu thế gian.*

Luận giải thích: Trong một tụng này có hai phương diện. Sao nói là hai phương diện? Đó là:

1. Tổng quát thân gồm tất cả chúng sanh.
2. Quay hướng nơi bậc Đại giác viên mãn.

Tổng quát thân gồm tức là: Thân tóm chung tất cả các mạng căn của hết thấy chúng sanh trong mười phương thế giới. Như trong luận nói “Mạng khắp mười phương”.

Quay về hướng đến tức là: Sử dụng những mạng căn như vậy quay trở về hợp với con người đầy đủ đại từ bi. Như trong luận nói “Nghịệp tối thắng trí khắp, Sắc vô ngại tự tại, Đại bi cứu thế gian”. Luận sư nêu ra ngần ấy đức tướng để ca ngợi Đấng Đại Giác, tất cả tướng trạng đó như thế nào? Tụng nói:

*Gồm tám vạn bốn ngàn
Bốn mươi tám thứ đức
Đức tối thắng v.v... đều mười
Trí vô ngại đều bốn.
Và tám vạn bốn ngàn
Các sắc tướng khác nhau
Công đức tuy vô lượng
Không ra ngoài số này.*

Luận giải thích: Bồ-tát Mã Minh tổng quát đưa ra tám vạn bốn ngàn bốn mươi tám chủng loại công đức, tôn kính ca ngợi bậc Đại Giác vô thượng. Công đức thanh tịnh trong quả Phật vị tròn đầy, tuy có vô lượng vô biên, nhưng chung quy không ra ngoài số lượng này. Vì vậy Bồ-tát Mã Minh đã ca ngợi về tướng chung như thế. Sao nói là tám vạn bốn ngàn công đức? Vì sắc tướng sai biệt nên thành tám vạn bốn ngàn công đức. Sao nói là bốn mươi? Vì hành, nghịệp, tối, thắng mỗi thứ có mười loại công đức nên thành số bốn mươi. Sao nói là tám loại? Vì trí và vô ngại đều có bốn loại nên thành tám loại.

Sao nói là mười Tối (bậc nhất)? Đó là:

1. Tối siêu quá, là rời xa địa Nhị thừa.
2. Tối xuất ly, là vĩnh viễn xa rời biên vực của ba cõi.
3. Tối đối trị, là nhanh chóng đoạn dứt bốn trụ địa.
4. Tối yếm hoạn, là đã vượt qua xóm làng của năm uẩn.
5. Tối ly ái, là vĩnh viễn lìa xa con đường rẽ vào sáu nẻo.
6. Tối uy đức, là đánh bại làm cho bảy loại quân ma phải rút lui.
7. Tối bình chúng, là tám khu rừng tà vạy đều sạch.
8. Tối trí tuệ kiểm, là quyết chặt đứt chín loại kết buộc.

9. Tối giải thoát, là đoạn trừ mười sợi dây ràng buộc.

10. Tối dũng mãnh, là bề gãy, làm cho chín mười sáu loại ngoại đạo phải khuất phục. Đây gọi là mười loại Tối, ở trong kinh nói là mười loại đệ nhất.

Sao nói là mười Thắng? Đó là:

1. Thắng Lực, là đầy đủ mười Lực.

2. Thắng Vô úy, là đầy đủ bốn Vô úy.

3. Thắng Bất cộng, là đầy đủ mười tám pháp Bất cộng thù thắng.

4. Thắng Đạo phẩm, là đầy đủ ba mươi bảy đạo phẩm.

5. Thắng Biến hóa, là đầy đủ trăm ngàn loại biến hóa.

6. Thắng Ngôn âm, là đầy đủ tám mươi tám loại Phạm âm.

7. Thắng Đoan nghiêm, là đầy đủ ba mươi hai tướng tốt của đấng trượng phu.

8. Thắng Cát tường, là tùy theo cảnh giới và nơi sanh ra tất cả mọi công đức thiện căn đều được lớn lên.

9. Thắng Nan đắc, là bậc tôn kính nhất ở trong ba cõi.

10. Thắng Trú xứ, nơi cung điện mình cư trú dùng chín vạn tám ngàn loại vi diệu viên mãn mà làm cho trang nghiêm. Đây gọi là mười Thắng, ở trong kinh nói là mười loại thù thắng.

Sao nói là mười Nghiệp? Đó là:

1. Nghiệp tự nhiên, là những việc làm được tự tại.

2. Nghiệp Bình đẳng, là giáo hóa làm cho lợi ích không có gì sai khác.

3. Nghiệp Tương ứng, là thuận theo căn cơ mà xuất hiện.

4. Nghiệp Cụ túc, là đầy đủ trọn vẹn hai tư lương về phước và trí.

5. Nghiệp Vô tận, là không có giới hạn, thời gian.

6. Nghiệp Đồng sanh, là thuận theo các nẻo cõi mà thọ sanh.

7. Nghiệp Vô trước, là xa rời hệ lụy trần tục giống như hoa sen.

8. Nghiệp Y chỉ, là làm nơi trở về nương tựa giống như mặt đất.

9. Nghiệp Vô yếm, là thấu gồm chúng sanh không tận cùng giống như biển lớn.

10. Nghiệp Thông đạt, là không có chướng ngại giống như hư không. Đây gọi là mười Nghiệp, ở trong kinh nói là mười loại Tác dụng.

Sao nói là mười Biến (Hành)? Đó là:

1. Căn biến, là các sắc căn của Phật mỗi một căn-mỗi một sắc đều hiện bày khắp tất cả pháp giới.

2. Thức biến, là các tâm thức của Phật không gì là không thông

suốt.

3. Cảnh giới biến, là trí trọn vẹn đã duyên không phân chia giới hạn.

4. Thọ mạng biến, là không thể nghĩ bàn được.

5. Quyển thuộc biến, là không thể lường tính được.

6. Công đức biến, là tất cả công đức sánh bằng hư không giới.

7. Từ bi biến, là không có sự lựa chọn.

8. Ngôn thuyết biến, là âm thanh của Đức Phật vang lên không đâu là không đến.

9. Chứng biến, là không nơi nào không cùng tận.

10. Vô đẳng biến, là không có gì sánh bằng.

Đây gọi là mười Biến, ở trong kinh nói là mười loại châu biến.

Sao nói là bốn Trí? Đó là:

1. Trí quang minh vô tận tạng, vì có năng lực sinh ra mười ức một ngàn môn trí tuệ.

2. Trí nhất vị nhất tướng, vì thông suốt hằng sa hết thấy các pháp không có sai biệt.

3. Trí đại bi vô biên, vì thuận theo chúng sanh thực hiện giáo hóa đồng nhất đầy khắp tất cả mọi thế giới ở mười phương.

4. Trí vô vi tịch diệt, vì rời xa tất cả mọi hình thái gây ra nghiệp.

Đây gọi là bốn trí, ở trong kinh nói là bốn loại trí viên mãn.

Sao nói là bốn Vô ngại? Đó là:

1. Pháp vô ngại, là biết rõ về thật tướng và thật tánh của các pháp.

2. Nghĩa vô ngại, là biết rõ về các pháp cùng tướng sai biệt và tướng sanh diệt của các chúng.

3. Từ vô ngại, là không hủy hoại giả danh mà lại nói rõ thật tướng.

4. Lạc thuyết vô ngại, là phát ra lời nói diễn giảng về đại dương kinh pháp theo thứ tự không đoạn tuyệt.

Đây gọi là bốn Vô ngại, ở trong kinh nói là bốn loại trí giải thoát. Nói tự tại là chung cho cả phần trên, vì vậy không giải thích riêng, còn danh nghĩa của sắc tướng như trong Đại Tổng Trì đã giải thích rõ và rộng.

Đã nói về Giác bảo (Phật bảo), tiếp theo nói về Pháp, Tăng. Bốn luận viết:

*Đến thể tướng thân kia
Biển chân như pháp tánh*

*Kho công đức vô lượng
Tu hành đúng như thật.*

Luận giải thích: Trong một tụng này lại có hai phần. Sao nói là hai phần? Đó là:

1. Thể thâm gồm tất cả thân của chúng sanh.
2. Thông hiểu toàn bộ Pháp tạng Tăng già.

Thể thâm tóm: Là thâm tóm toàn bộ tất cả các thân vô thường-lưu chuyển-sanh diệt của vô lượng chúng sanh, như trong luận nói “Thể tướng của thân kia”.

Thông hiểu toàn bộ: Là do thân tướng của chúng sanh như vậy, thông hiểu toàn bộ các pháp tạng rất sâu xa, và tất cả những người tu hành đúng như thật. Trong luận gốc nói “Biển chân như pháp tánh, kho công đức vô lượng, tu hành đúng như thật”. Nói “vân vân” là ý thông tỏ chung về sự lễ lạy tôn kính. Luận sư dựa vào bao nhiêu Pháp-Tạng mà lễ lạy tôn kính, tướng trạng ấy như thế nào? Tụng nói:

*Quy chung nơi mười bốn
Tăng mười và Pháp bốn
Hoặc bao gồm trên dưới
Tăng chúng có nhiều loại.*

Luận giải thích: Bồ-tát Mã Minh quy y chung nơi mười bốn xứ đức, vì Tăng có mười và Pháp có bốn, tất cả đều sai biệt.

Sao nói là Tăng có mười? Vì mười Địa sai biệt.

Sao nói là Pháp có bốn? Vì Giáo-Lý-Hành-Quả đều sai biệt. Pháp là Giáo pháp, đó gọi là tùy thuận căn cơ như biển cả kinh điển tiếp nhận tất cả chúng sanh. Tánh chân như là Lý pháp, nơi thể tánh bình đẳng của tất cả các pháp, xa rời cái giả của hư vọng, đoạn tuyệt cái thật của chấp trước. Biển là Quả pháp, đối với quả vị Diệu giác muôn đức viên mãn không có cùng tận, như biển lớn. Công đức vô lượng là Hành pháp, vì sáu độ vạn hạnh, công đức thanh tịnh cùng với quyển thuộc không thể nghĩ bàn và vượt lên trên mọi số lượng. Như là nói đến mười loại chân như. Thật tu hành nói về mười loại Chánh trí, là chứng lý chân như hướng về trí chân thật xây dựng tên gọi của Tăng. Lý và trí nối thông với nhau, chủ thể và đối tượng bình đẳng một ý vị, vì bình đẳng nên không tranh luận.

Vì sao lấy mạng nêu lên mười phương như vậy? Vì muốn biểu hiện rõ mạng căn đã thâm gồm rộng lớn đầy đủ trọn vẹn không có biên vực. Vì sao lấy thân nêu lên tướng ấy? Là muốn biểu hiện rõ bốn tướng đã làm rối loạn tất cả chúng sanh đều thâm tóm được hết, muốn khiến

đạt được thân kim cang thường trú bất động.

Tại sao tám Thánh không chỉ quy mạng với tự thân, mà chính là chọn lấy chung nơi thân mạng vốn có của tất cả vô lượng chúng sanh để trở về với Tam bảo? Vì biết rõ tất cả chúng sanh đều bình đẳng, bình đẳng chỉ một chân như không có sai khác, thân mạng của chúng sanh và thân mạng của mình cùng một vị một tướng không rời xa nhau. Vì vậy tụng nói là Đẳng, chữ Đẳng nghĩa rất sâu xa. Tại sao thấu đạt được vô lượng thân mạng của tất cả chúng sanh, trở về với Tam bảo, thành tựu tướng lễ lạy cung kính (hòa nam)? Do ba đời mười phương hết thấy chư Phật đều rất hoan hỷ, ba đời mười phương hết thấy các vị Bồ-tát đều rất hoan hỷ, ba đời mười phương hết thấy các Pháp tạng luôn được truyền khắp không bao giờ đoạn tuyệt.

Bồ-tát Mã Minh chứng đến địa Bất động, công đức nơi các địa dưới đều đã đầy đủ. Tại sao đối với các vị Tăng ở địa dưới thấy đều lễ lạy cung kính? Vì người là chủ thể quay trở về đều không giống với địa mình đạt được. Nếu tự mình quy y thì chỉ nên nói lễ lạy cung kính bậc đã hoàn toàn chứng đắc địa Bất động và hai địa trên. Nếu như vậy tại sao không nói các địa trước? Vì không phải không có người quy y nên không nêu ra riêng, từ trên xuống dưới đã cùng hiển hiện rõ. Lúc Bồ-tát của địa Pháp vân (Địa thứ mười) là người có thể quy y thì nên dựa vào Tăng bậc nào? Hướng về địa Diệu giác có Tăng chân thật nên không có lỗi lầm. Nếu như vậy thì sao không nêu riêng? Vì từ dưới lên trên đã cùng được biểu hiện rõ. Do đó tụng nói “Hoặc bao gồm trên dưới, Tăng chúng có nhiều loại”.

Đã nói về Pháp, Tăng, tiếp theo nói về ý nghĩa căn bản. Bốn luận nêu:

*Vì muốn khiến chúng sanh
Trừ nghi bỏ chấp tà
Khởi chánh tín Đại thừa
Dòng Phật không đoạn dứt.*

Luận giải thích: Trong một tụng này tức có hai phần. Sao nói là hai phần? Đó là:

1. Đoạn dứt mọi chướng ngại ràng buộc.
2. Liên tục được giải thoát.

Trong phần đoạn dứt có bốn loại sai biệt. Những gì là bốn loại? Đó là:

1. Phần tín tâm quyết định, làm cho vô lượng hết thấy chúng sanh đoạn trừ tâm nghi hoặc, phát khởi tâm tin bền vững, quyết định hướng

về chánh đạo Đại thừa rất sâu xa.

2. Xa rời tâm chán bỏ, vì muốn cho vô lượng hết thảy chúng sanh... rời xa tâm ý chán bỏ, tăng trưởng ý niệm cầu vui, tinh tấn đối với chánh đạo Đại thừa rất sâu xa.

3. Phần đối trị luận tà, để khiến đối trị được chín mươi sáu loại ngoại đạo lớn, cùng với chín mươi ba ngàn ngoại đạo quyến thuộc, bốn loại đại ma cùng ba mươi hai ngàn các ma quyến thuộc, đoạn trừ một trăm bốn mươi sáu ngàn loại luận thuyết thế gian, hướng vào chánh đạo rất sâu của Đại thừa.

4. Phần loại trừ chấp trước, để khiến tất cả mọi phàm phu và các hạng Nhị thừa cùng tất cả Bồ-tát, đoạn trừ năm loại nhân kiến, chứng được năm loại đối trị, đoạn trừ hai loại chấp về Pháp, chứng được hai loại đối trị, hồi hướng về chánh đạo Đại thừa rất sâu xa. Như trong Bản tụng nói “Vì muốn khiến chúng sanh, Đoạn nghi bỏ chấp tà, Khởi chánh tín Đại thừa”.

Trong phần liên tục có ba loại sai biệt. Những gì là ba loại? Đó là:

1. Không đoạn mất cửa ngõ vào đại giác, vì muốn tập hợp các nhân thành tựu vạn hạnh, trang nghiêm quả vị Đại Giác, không đoạn dứt dòng dõi Pháp vương Vô thượng.

2. Không đoạn mất kho tàng chánh pháp, làm cho tiếng vang của Phạm âm vi diệu thù thắng được xuất hiện, tuyên bày biển cả của hết thảy kinh giáo, khiến tám mươi bốn ngàn pháp tạng không bị đoạn dứt.

3. Không đoạn mất toàn thể Tăng già, khiến tu tập đại đạo của địa trước địa trên, xây dựng cung điện của pháp giới chân như, trụ giữ Tăng đoàn của hai thời Chánh pháp và Mạt pháp không bị đoạn tuyệt. Như trong Bản tụng nói “Phật chủng không đoạn dứt”. Tụng về chúng sanh nói đến phần hạn là thế nào? Là muốn đối trị, đoạn trừ những gì? Kiến lập Tam bảo không đoạn dứt? Tụng nói:

*Gồm chung người ba tụ
Vì chưa được viên mãn
Đối trị bốn loại đoạn
Xây dựng ba không dứt.*

Luận giải thích: Bồ-tát Mã Minh duyên thông với ba tụ làm cảnh giới. Vì sao? Vì chưa chứng được quả viên mãn. Như vậy, ba Tụ có ba loại của nó. Những gì là ba loại? Đó là:

1. Trước Thập Tín gọi là tụ định tà, vì không thể tin vào các loại

nghiệp nhân-quả báo. Ba Hiền và mười Thánh gọi là tụ chánh định, vì quyết định an lập vị không thoái chuyển. Mười loại tâm tín gọi là tụ bất định, vì hoặc tiến lên, hoặc lui sụt không quyết định.

2. Trước Thập Tín và mười tâm tín gọi là tụ định tà, vì đều không có thiện căn. Quả vị Đại Giác vô thượng gọi là tụ chánh định, vì đã hoàn toàn đầy đủ. Ba Hiền và mười Thánh gọi là tụ bất định, vì đều chưa đến quả cuối cùng.

3. Trước Thập Tín gọi là tụ định tà, vì không có tâm vui cầu. Mười Thánh gọi là tụ chánh định, vì đã được chứng đạt chân thật. Thập Tín và ba Hiền gọi là tụ bất định, vì chưa thể chính thức chứng đạt.

Đây gọi là ba loại. Bồ-tát Mã Minh cần đến chủng loại thứ nhất kia, là muốn đối trị bốn loại đoạn dứt, nghĩa của sự xây dựng Tam bảo không đoạn dứt. Những gì là bốn loại? Đó là:

1. Nghi hoặc đoạn, vì tâm do dự không thể quyết định được, nên đoạn mất chủng tử Tam bảo.

2. Yếm xả đoạn, vì tâm tham ái hữu nên không thể vui với pháp, do đó đoạn mất chủng tử Tam bảo.

3. Tà kiến đoạn, vì tâm vọng tưởng nên không thể có chánh kiến, vì thế đoạn mất chủng tử Tam bảo.

4. Định chấp đoạn, vì tâm chấp thật có nên không thể xa rời chấp trước, do vậy đoạn mất chủng tử Tam bảo.

Đây gọi là bốn loại đoạn dứt. Đã nói về ý nghĩa căn bản của Luận, tiếp theo là triển khai phần thể tổng quát.

Bổn Luận nói: Có pháp có thể khởi tín căn của Đại thừa, vì vậy cần phải giới thiệu.

Luận giải thích: Trong văn này có hai phần. Những gì là hai phần? Đó là:

1. Môn chủ thể nhập.

2. Môn đối tượng được nhập.

- Môn chủ thể nhập là đối với lý của đối tượng được nêu giảng khéo hướng vào.

- Môn đối tượng được nhập là khéo vì pháp kia làm nơi nương dựa. Hữu pháp là nêu tổng quát về mười sáu pháp của môn chủ thể nhập. Có thể khởi tín căn là nêu tổng quát tương tác nghiệp của môn pháp. Ma-ha-diễn là nêu tổng quát mười sáu thể của pháp được nhập cùng với thể bất nhị của Ma-ha-diễn, tín quyết định để tâm tiến lên, căn sinh trưởng để thực hành pháp. Nếu để đi vào lý thì không ra ngoài hai điểm ấy, nên gọi là tín căn.

Lại nữa, Tín gọi là Thập Tín, Căn nghĩa là từ trụ Sơ phát phát tâm cho đến địa Pháp Vân. Vì sao? Vì Tín ban đầu không có căn và tiến lùi tùy theo duyên, ví như hoa Ban-đa-già-y-ma. Tín về sau chuyển dần đến kiên cố bất động hơn hẳn, ví như cây Kiện cư a di lễ. Tín căn có bao nhiêu nghĩa, các tướng đó như thế nào? Tụng nói:

*Đều có mười loại nghĩa
Là trường tịnh, hạ chuyển ...*

Luận giải thích: Tín có mười loại nghĩa. Thế nào là mười loại? Đó là:

1. Nghĩa lắng sạch, là có năng lực làm cho tánh của tâm được thanh tịnh sáng rõ.
2. Nghĩa quyết định, là có năng lực làm cho tánh của tâm thuần nhất kiên cố.
3. Nghĩa hoan hỷ, là có năng lực khiến đoạn trừ các ưu não.
4. Nghĩa không chấp, là có năng lực khiến đoạn trừ tâm lười biếng.
5. Nghĩa tùy hỷ, là đối với công hạnh tốt đẹp của người khác luôn phát khởi tâm niệm đồng tình.
6. Nghĩa tôn trọng, là đối với những người có đức hạnh không phát sinh ý niệm khinh rẻ.
7. Nghĩa tùy thuận, là thuận theo những gì thấy nghe, không hề trái ngược.
8. Nghĩa tán thán, là thuận theo công hạnh tốt đẹp ấy mà chân thành ca ngợi.
9. Nghĩa bất hoại, là chuyên nhất tâm tư không để cho sai lầm, mất đi.
10. Nghĩa ái lạc, là có năng lực làm thành tựu tâm từ bi.

Đây gọi là mười nghĩa về Tín.

Căn có mười loại nghĩa. Thế nào là mười loại? Đó là:

1. Nghĩa Hạ chuyển, là có năng lực loại trừ tâm kiêu mạn.
2. Nghĩa Ẩn mật, là có năng lực giải thích lý lẽ rất sâu xa.
3. Nghĩa Xuất sanh, là sinh ra và nuôi lớn rất nhiều những công đức.
4. Nghĩa Kiên cố, là thâm giữ tất cả, không khiến cho thiếu sót.
5. Nghĩa Tương tục, là chuyển đổi cùng lớn thêm, không có đoạn dứt.
6. Nghĩa Xuất ly, là từng địa từng địa chuyển sang tốt đẹp và dần dần xa lìa.

7. Nghĩa Tập thành, là tu tập các loại pháp hành trong vô số đạo phẩm.

8. Nghĩa Mậu vinh, là dùng các đức hạnh trang nghiêm rất đáng vui mừng yêu thích.

9. Nghĩa Cụ túc, là trong quả vị Đẳng giác hoàn toàn đầy đủ nhân hạnh.

10. Nghĩa Cao thắng, là ở tại quả vị Diệu Giác thù thắng và rộng lớn nhất không có năng lực nào vượt lên trên được. Đây gọi là mười nghĩa về Căn.

Các loại sai biệt về chủ thể nhập và đối tượng được nhập, trong phần lập nghĩa sẽ nói rõ.

Đã nói về thể tổng quát, tiếp theo trình bày về sự kiến lập.

Bổn Luận nói: Giải thích có năm phần. Thế nào là năm phần? Một là phần Nhân duyên. Hai là phần Lập nghĩa. Ba là phần Giải thích. Bốn là phần Tín tâm tu hành. Năm là phần Lợi ích khuyến tu.

Luận giải thích: Tại sao theo thứ tự như thế? Vì giáo pháp nơi xuất hiện pháp vốn như vậy. Nghĩa lý này thế nào? Là muốn nói rõ thuốc hay, vị tốt (tối thượng) chính do đối trị bệnh tật chướng ngại mà xuất hiện. Giáo pháp có năng lực cảm hóa, chắc chắn do đối trị căn cơ mà phát khởi, trước bệnh không có thuốc, trước cơ nghi không có giáo pháp. Do đó đầu tiên lập phần Nhân duyên, là muốn nói rõ ngọc quý Như ý tuy chỉ là một, là căn bản của tất cả các thứ báu. Pháp Ma-ha-diễn tuy chỉ là một, nhưng trở thành thể tánh của hàng sa pháp môn, uy thế mạnh mẽ như Đại Long mới tiếp nhận sử dụng được, căn cơ sắc bén như người trí tuệ mới có thể lãnh ngộ.

Thứ hai là phần Lập nghĩa, là muốn biểu hiện rõ tạng báu Ma-ni tuy đầy đủ vô lượng các loại châu báu, nhưng mở ra hàng ngàn lớp cửa thì mọi loài rồng mới biết rõ. Nguồn gốc của pháp Đại thừa tuy đầy đủ hàng ngàn nghĩa lý không giới hạn nhưng lại tách ra giải thích giới thiệu riêng, rộng thì hàng căn cơ chậm lụt mới rõ được.

Thứ ba là lập phần Giải Thích, là muốn biểu hiện rõ tuy trong tai mắt thấy nghe pháp thuật lạ kỳ của cơn mưa báu, trong tâm tư hiểu biết rõ đức hạnh trọn vẹn vô tận, mà còn hiện ra tướng lưỡi uy nghiêm, không tranh nhau vẫn tìm được lối vào, khai thông hướng về xưa nay, không tiếp cận hay cách xa Đản na, đạt được Bảo tạng Như ý không phải bước chân lên cung điện hay đài cao. Tuy trong miệng lưỡi trì tụng từ ngữ tôn kính của giáo nghĩa, tâm tư quán sát lý lẽ sâu xa có mở rộng và tóm lược, thường xuyên thực hành thêm nữa thêm vào sự tinh tấn

hơn hẳn thì mới ở tòa kim cang. Không khởi niềm tin kiên cố, đạt được Bảo tạng pháp giới mà không có sự giải thích thì do đâu kế hợp được với nghĩa lý diệu huyền.

Thứ tư là lập phần Tín tâm tu hành, tuy mở ra pháp có rộng, lược, chỉ cho cửa ngõ tiến vào, nhưng hàng chúng sanh khiếp nhược, nghe những pháp môn nêu rộng, không thể tiến vào để tu hành, hàng chúng sanh độn căn nghe những pháp môn nói lược, nhưng không có năng lực hiểu rõ nên tâm sinh chán, xa. Những loại chúng sanh như vậy, nếu gặp được duyên khuyến khích chỉ dẫn, dần dần tiến tu, đầy đủ nhân tố của trăm hạnh đạt, đến kết quả của vạn đức. Nếu không gặp được duyên khuyến khích thúc đẩy thì càng ngày càng lùi lại xa hơn, đem hàng sa phiến nã vào nơi vô tánh. Bồ-tát Mã Minh nhìn thấy lợi ích này, nên biểu hiện rõ lợi ích để khuyến khích chỉ dẫn tu hành, do đó, sau cuối lập phần Lợi ích khuyến tu.

Có nhân duyên gì mà không thêm không bớt, chỉ lập ra năm phần như vậy? Tụng nói:

*Thâu nơi Địa Đại Tổng
Gồm năm mươi pháp môn
Vì vậy không thêm bớt
Chỉ kiến lập năm phần.*

Luận giải thích: Trong mười vạn tụng trong Luận Đại Tổng Địa do Bồ-tát Mã Minh soạn, lập chung năm mươi phần, phán định giải thích về những giáo lý. Nay trong luận này, lập năm phần pháp môn, mỗi pháp môn thâu tóm mười môn kia, vì vậy không thêm không bớt, chỉ lập năm phần.

Đó gọi là luận kia kiến lập mười môn để giáo hóa đầy đủ trọn vẹn.

Phần Nhân duyên đã thâu tóm mười môn như một trăm sáu mươi pháp Ma-ha-diễn.

Phần Lập nghĩa đã thâu tóm mười môn như tùy thuận quyết trạch v.v... được an lập.

Phần Giải thích đã thâu tóm mười môn như tu tập, quyết định, hướng vào...

Phần Tu hành đã thâu tóm mười môn như khuyến tỉnh, quở trách, dẫn dắt và những gì thuộc về phần khuyến tu.

Đã nói về phần kiến lập, tiếp theo nói về phần nêu chương và phán thuyết.

Bổn Luận nói: Đầu tiên nói về phần Nhân duyên.

Hỏi: Có nhân duyên gì khiến tạo luận này?

Đáp: Có tám loại nhân duyên. Những gì là tám loại? Đó là:

1. Nhân duyên tổng tướng, nghĩa là để khiến cho chúng sanh xa rời tất cả khổ đau-đạt được niềm vui rất ráo, không phải vì cầu danh lợi và sự cung kính của thế gian.

2. Vì muốn giải thích về nghĩa lý căn bản của Như Lai, khiến các chúng sanh hiểu đúng đắn không sai lầm.

3. Vì làm cho chúng sanh thành tựu mọi thiện căn, đối với giáo pháp Đại thừa có thể đảm nhận được mà không thoái lui tâm tín.

4. Vì khiến cho những chúng sanh có thiện căn nhỏ yếu tu tập phát khởi tâm tín.

5. Vì chỉ ra phương tiện làm tiêu tan nghiệp chướng xấu ác, cố gắng bảo vệ tâm ấy rời xa ngu si kiêu mạn, à vượt ra ngoài màng lưới tà vạy.

6. Vì nêu ra phương pháp Chỉ và Quán, đối trị tâm sai lầm của hàng phàm phu, Nhị thừa.

7. Vì nêu ra phương tiện chuyên nhất tâm niệm sanh ở trước Phật, chắc chắn không thoái lui tâm tín.

8. Vì bày tỏ lợi ích để khuyến khích tu hành. Có những nhân duyên như vậy, nên làm ra luận này.

Luận giải thích: Trong tám nhân duyên này, một nhân duyên đầu làm nhân duyên chính cho phần Lập nghĩa. Hai nhân duyên tiếp theo làm nhân duyên chính cho phần Giải thích. Bốn nhân duyên tiếp theo làm nhân duyên chính cho phần Tín tâm tu hành. Một nhân duyên cuối cùng làm nhân duyên chính cho phần Lợi ích khuyến tu. Trong một nhân duyên đầu thì có bốn phần, trong bảy nhân duyên sau mỗi nhân duyên đều có ba phần.

Những gì là bốn phần? Đó là:

1. Phần giáo pháp là chủ thể hóa độ lưu hành xuất hiện.

2. Phần chúng sanh là đối tượng được hóa độ trong giới hạn thích hợp.

3. Phần lưu hành xuất hiện làm sự nghiệp thiện xảo.

4. Phần loại trừ mọi sự tranh luận và phỉ báng.

Những gì là ba phần? Đó là ba phần ở trước. Nay sẽ đưa ra tướng, lần lượt giải thích riêng. Nhân duyên Tổng tướng là nêu tổng quát phần giáo pháp là chủ thể hóa độ lưu hành xuất hiện, nghĩa là làm nhân duyên chính cho thể chung của tám loại căn bản, nên nói là Nhân duyên tổng. Làm nhân duyên chính cho hai mươi bốn loại tướng phân biệt riêng,

nên nói là Nhân duyên tướng. Đối với ba mươi hai loại pháp tướng tổng và biệt này, trong phần Lập nghĩa tự chúng nói rõ. “Để khiến cho chúng sanh” là nêu tổng quát phần chúng sanh là đối tượng được hóa độ trong giới hạn thích hợp. Nghĩa là thấu tóm mười ức tám vạn sáu ngàn loại chúng sanh thuộc tự định tà, ba mươi loại chúng sanh thuộc tự bất định, một trăm hai mươi loại chúng sanh thuộc tự chánh định. “Xa rời tất cả khổ, đạt niềm vui rốt ráo” là nêu tổng quát phần lưu hành xuất hiện làm sự nghiệp thiện xảo. Nghĩa là duyên với ba Tự làm thành cảnh giới, tuyên thuyết mở bày chỉ rõ về nội dung quan trọng của diệu pháp, nhằm khiến cho hết thấy vô lượng chúng sanh, rời xa nỗi khổ của sanh diệt, của vô thường, đạt được niềm vui căn bản của toàn bộ các tướng.

“Không phải vì cầu mong danh lợi và sự cung kính của thế gian”, là nêu tổng quát phần loại trừ mọi sự tranh luận và phỉ báng. Nghĩa là chúng sanh ngu muội dấy lên mối nghi ngờ như vậy: Bồ-tát Mã Minh ở địa Bất động chưa đến địa Pháp vân, mà duyên với các vị Bồ-tát ở địa trên, làm thành cảnh giới của đối tượng được hóa độ đó, chỉ biểu hiện sự thù thắng của mình, là cầu mong danh lợi... Có những lời nói giả dối không có nghĩa lý thật, lẽ nào Bồ-tát ở địa dưới có thể giáo hóa được Bồ-tát địa trên sao? Do đó Bồ-tát Mã Minh vì loại trừ những nghi ngờ không tin như vậy, tự thông tỏ mà nói: Tôi từ kiếp lâu xa đã thành tựu quả vị Chánh Giác, trợ giúp sự nghiệp giáo hóa làm lợi ích cho chúng sanh, vì viên mãn bốn nguyện nên tạm thời bày tỏ ở phần vị đang tu tập, không phải là nói vì mong cầu danh lợi gì khác mà nêu bày như vậy. Đã nói về Nhân duyên thứ nhất.

Nhân duyên thứ hai nói về phần giải thích nghĩa lý căn bản của Như Lai, là nêu tổng quát phần giáo pháp là chủ thể hóa độ lưu hành xuất hiện. Nghĩa là nhân duyên này có thể làm nhân duyên chính cho sự biểu hiện rõ nghĩa chánh đối trị tất cả chấp tà, nên nói là nghĩa lý căn bản của Như Lai. Vì sao? Vì hết thấy Như Lai, suốt ba đời khắp mười phương, không một vị Phật nào không thuận theo một tâm căn bản làm thành hai môn bảy loại đối trị để thành tựu Chánh giác. “Khiến cho các chúng sanh” là nêu tổng quát phần chúng sanh là đối tượng được hóa độ trong giới hạn thích hợp. Nghĩa là thấu tóm mười ức tám vạn sáu ngàn loại chúng sanh thuộc tự định tà. “Hiểu đúng không sai lầm” là nêu tổng quát phần nghĩa lý lưu hành xuất hiện làm sự nghiệp thiện xảo. Nghĩa là duyên theo chúng sanh cuồng loạn thuộc tự định tà để làm cảnh giới, tuyên thuyết, mở bày, chỉ rõ pháp rất sâu xa biểu hiện rõ nghĩa chánh để đối trị mọi chấp tà, chấn chỉnh lại sự hiểu sai lạc vô cùng

tận, phá vỡ vô số kiến giải trái ngược, đoạn trừ chướng ngại không có lòng tin của hạng xiển đề, làm cho hướng vào Đại thừa của Thập Tín. Đã nói về Nhân duyên thứ hai.

Nhân duyên thứ ba làm nhân duyên chính cho sự phân biệt phát khởi hướng về đạo. Đây gọi là phần giáo pháp là chủ thể hóa độ lưu hành xuất hiện. Nghĩa là ba loại phát tâm. “Chúng sanh thành tựu thiện căn” là nêu tổng quát phần chúng sanh là đối tượng được hóa độ trong giới hạn thích hợp. Nghĩa là thấu gồm các chúng sanh ở vị phẩm thượng của Thập Tín-ba phẩm Thập Giải-ba phẩm Thập Hạnh-ba phẩm Thập Hưởng và ba phẩm Thập Địa. “Đối với giáo pháp Đại thừa, có thể đảm nhận không thoái lui tâm tín” là nêu tổng quát phần giáo pháp lưu hành xuất hiện làm sự nghiệp thiện xảo. Nghĩa là duyên với hai loại chúng sanh để làm cảnh giới, tuyên thuyết, mở bày, chỉ rõ ba loại phát tâm khiến vượt lên trên tự mình, có thể tiến tới tốt đẹp. Đã nói về Nhân duyên thứ ba.

Nhân duyên thứ tư làm nhân duyên chính cho phần Tín tâm tu hành, gồm có bốn loại tín tâm và bốn loại tu hành. Đây gọi là phần giáo pháp là chủ thể hóa độ lưu hành xuất hiện. “Chúng sanh có thiện căn nhỏ, yếu” là nêu tổng quát phần chúng sanh là đối tượng được hóa độ trong giới hạn thích hợp. Nghĩa là thấu tóm được chúng sanh phẩm trung ở năm tâm trước vị Thập Tín. Vì đã đạt được năm tâm trước, không phải hoàn toàn không có thiện căn, nên nói là thiện căn nhỏ, yếu. Vì chưa được năm tâm sau nên không thể đầy đủ, không gọi là thành tựu. “Tu tập khiến phát khởi tâm tín” là nêu tổng quát phần lưu hành xuất hiện làm sự nghiệp thiện xảo. Nghĩa là có năng lực làm cho thành tựu năm tâm sau. Đã nói về Nhân duyên thứ tư.

Nhân duyên thứ năm là cuối cùng tiến vào cửa ngõ của phần Tín tâm tu hành. Lại nữa, nếu như có người tuy tín tâm tu hành, cho đến có thể tránh khỏi các chướng ngại, nuôi lớn thêm thiện căn làm nhân duyên chính, gọi là phần giáo pháp là chủ thể hóa độ lưu hành xuất hiện. Chúng sanh trong này thấu tóm được chúng sanh bậc hạ sơ, tâm ở vị Thập tín. Đây gọi là phần chúng sanh là đối tượng được hóa độ trong giới hạn thích hợp. “Tiêu trừ nghiệp chướng xấu ác...” là nêu tổng quát phần lưu hành xuất hiện làm sự nghiệp thiện xảo. Nghĩa là nêu ra các phương tiện như lễ bái, sám hối..., để tiêu trừ các loại nghiệp chướng sâu dày. Đã nói về nhân duyên thứ năm.

Nhân duyên thứ sáu nói về phương pháp tu tập Chỉ và Quán, là nêu tổng quát phần giáo pháp là chủ thể hóa độ lưu hành xuất hiện.

Nghĩa là làm nhân duyên chính cho phần tu hành Chỉ và Quán trong phần Tín tâm tu hành. Hàng phàm phu, Nhị thừa là nêu tổng quát phần chúng sanh bậc hạ, có hai tâm ở vị Thập tín. Tụ định tà thâm gồm hết thấy hàng Nhị thừa. “Đối trị tâm lỗi lầm” là nêu tổng quát phần lưu hành xuất hiện làm sự nghiệp thiện xảo. Nghĩa là dùng hai luân nối thông với nhau để đối trị mọi sai lầm do kiến chấp của hàng phàm phu, Nhị thừa. Đã nói về nhân duyên thứ sáu.

Nhân duyên thứ bảy là cuối cùng của phần Tín tâm tu hành. Lại nữa, chúng sanh mới học pháp này cho đến cuối cùng được sanh ra và an trú trong tụ chánh định, nên làm nhân duyên chính. Đây gọi là phần giáo pháp là chủ thể hóa độ lưu hành xuất hiện. Chúng sanh trong này thâm tóm được bốn tâm trước nơi vị Thập Tín, lại không thể tiến vào trong chúng sanh bậc hạ, nghĩa là trú ở thế giới này thành tựu tâm tín hết sức sợ hãi. Đây gọi là phần chúng sanh là đối tượng được hóa độ trong giới hạn thích hợp. “Chắc chắn không thoái lui tâm tín” là nêu tổng quát phần lưu hành xuất hiện làm sự nghiệp thiện xảo. Nghĩa là dùng năng lực của duyên thù thắng để an lập trong tụ chánh định. Đã nói về nhân duyên thứ bảy.

Nhân duyên thứ tám làm nhân duyên chính cho phần bày tỏ lợi ích để khuyến khích tu hành. Đây gọi là phần giáo pháp là chủ thể hóa độ lưu hành xuất hiện. Chúng sanh trong này thâm tóm mười ức tám vạn sáu ngàn loại các chúng sanh thuộc tụ định tà. Đây gọi là phần chúng sanh được hóa độ trong giới hạn thích hợp. Vì bày tỏ lợi ích để khuyến khích tu hành là nêu tổng quát phần lưu hành xuất hiện làm sự nghiệp thiện xảo. Nghĩa là vì nhằm khiến cho niềm vui được tăng thêm nên giảng nói những công đức, biểu hiện rõ những sai lầm tai họa nhằm giác ngộ để lìa bỏ. Đã nói về nhân duyên thứ tám.

Tất cả các giáo pháp đều gồm hết vào phần Lập nghĩa. Tất cả các căn cơ được hóa độ đều gồm hết vào phần Nhân duyên thứ nhất, tại sao mở ra ba phần để giải thích riêng, lập ra bảy nhân duyên để giải thích phân tán như vậy? Vì muốn biểu hiện rõ sự khác nhau giữa nhanh-chậm-rộng-lược-chung và riêng. Tại sao người hàng Nhị thừa nhận lấy lần nữa về bốn xứ? Do muốn biểu hiện rõ chúng sanh Nhị thừa kém hẹp, phát tâm Bồ-đề hướng về đạo Vô thượng là vô cùng khó khăn và không thể vượt lên trên các loại chúng sanh khác. Tại sao chúng sanh thuộc loại định tà khác chỉ nhận lấy nơi ba xứ? Vì muốn biểu hiện rõ những chúng sanh khác có những lỗi lầm nhưng nhẹ hơn so với hàng Nhị thừa. Tại sao người thuộc loại bất định phân biệt chọn lấy ba phẩm?

Do muốn biểu hiện rõ chúng sanh thuộc loại bất định căn tánh mỏng, chậm, tối, phát tâm quyết định hướng về đạo vô thượng, thật sự vô cùng khó để vượt lên trên so với chúng sanh thuộc loại chánh định. Tại sao người thuộc loại chánh định không phân biệt ba phẩm mà nối thông với nhau gồm tất cả? Vì muốn biểu hiện rõ chúng sanh thuộc loại chánh định có những lỗi lầm mà nhẹ hơn so với chúng sanh bất định.

Có nhân duyên gì không thêm không bớt mà chỉ lập thành tám loại nhân duyên? Vì sao theo thứ tự như vậy? Tụng nói:

*Thâu chung Địa Đại Tổng
Có tám mươi nhân duyên
Tu hành chuyển thù thắng
Nên theo thứ tự ấy.*

Luận nói: Trong mười vạn tụng nơi Luận Đại Tổng Địa do Bồ-tát Mã Minh soạn thuật, toàn bộ lập thành tám mươi nhân duyên để làm duyên do của Luận. Nay trong Luận này, tám loại nhân duyên, mỗi loại thâu tóm mười loại nhân duyên trong Luận kia, nên không thêm không bớt, chỉ lập thành tám loại nhân duyên. Do nghĩa này nên nói là như vậy v.v..., chữ v.v... là thâu tóm chung tám mươi nhân duyên ấy.

Nhân duyên theo thứ tự thực hành từng pháp như vậy, nghĩa là loại trừ chướng ngại không tin của hạng Xiển-đề, đạt được tâm thuộc hàng Thập Tín, loại trừ chướng ngại chấp ngã, đạt được tâm thuộc hàng Thập Trụ, loại trừ chướng ngại sợ khổ đạt được tâm thuộc hàng Thập Hạnh, loại trừ chướng ngại rời bỏ, đạt được tâm thuộc hàng Thập Hồi Hướng, đoạn dứt mười loại chướng ngại của tánh phàm phu v.v... chứng đạt mười loại Địa như Hoan Hỷ v.v...

Đã nói về tám nhân duyên. Tiếp theo nói về bốn loại căn.

Bốn Luận nêu: Hỏi: Trong Khế kinh có đủ những pháp này, đâu cần phải giới thiệu lại? Đáp: Trong Khế kinh tuy có những pháp này, nhưng vì căn hạnh của chúng sanh không giống nhau, duyên tiếp nhận lý giải sai khác. Điều ấy có nghĩa là lúc Đức Như Lai còn ở thế gian thì chúng sanh căn tánh thông lợi, người là chủ thể thuyết giảng có sắc-tâm và nghiệp rất thù thắng, âm thanh trọn vẹn vừa phát ra thì các loài khác nhau đều hiểu được, vì vậy không cần đến Luận. Sau khi Đức Như Lai diệt độ, hoặc có chúng sanh có thể dùng năng lực của mình nghe nhiều, đạt được hiểu biết. Hoặc có chúng sanh cũng dùng năng lực của mình nghe ít mà hiểu biết nhiều. Hoặc có chúng sanh không có năng lực của tự tâm, nhờ vào luận bàn mở rộng mà có thể hiểu biết. Hẳn nhiên cũng có chúng sanh cho luận mở rộng văn nhiều trở thành phiền phức, tâm

chỉ thích tổng trì ít văn mà thấu gồm rất nhiều ý nghĩa, có thể dẫn đến hiểu biết. Như vậy luận này vì muốn thấu tóm toàn bộ nghĩa lý không giới hạn trong giáo pháp sâu rộng của Như Lai, do đó thuận theo giới thiệu luận này.

Luận giải thích: Trong văn ở đây có hai phần. Thế nào là hai phần? Đó là:

1. Phần nghi ngờ chất vấn không khác gì những điều đã nói.
2. Phần nêu ra thời gian, phần vị để giải quyết nghi ngờ.

Hỏi: Trong Khế kinh có đủ những pháp này, đâu cần phải giới thiệu lại. Đây là phần nghi ngờ chất vấn. Nghĩa là trong một trăm Khế kinh như Quang Minh Đại Giác... khai mở rõ tất cả vô lượng Pháp tạng, tùy căn cơ và mức độ thấu tóm đạt được lợi ích không có thiếu sót. Kẻ sĩ bậc trung đâu cần phải nhọc sức làm ra bộ luận này, để truyền lại giáo pháp ấy, càng không có gia tăng tức để hiển bày. Nay soạn ra luận này giới thiệu lại giáo pháp ấy, có thể không cầu mong những điều như danh lợi và sự ca ngợi tán thưởng hay sao? Suy cho cùng là tôn trọng tín tưởng không hết được lý lẽ đó. Đây gọi là phần nghi ngờ chất vấn không khác gì những điều đã nói.

Đáp: “Trong Khế kinh tuy có những pháp này, nhưng vì căn hành của chúng sanh không giống nhau, duyên tiếp nhận lý giải sai khác”, là tổng quát đưa ra phần giải quyết nghi ngờ. Điều ấy có nghĩa là Bồ-tát Mã Minh tự thông hiểu mà nói, hết thấy giáo lý nơi ba đời chư Phật, tự nhiên thường trú trong một ý vị là bình đẳng, hoàn toàn không có sự di chuyển, không có sanh khởi và hủy diệt, vì vậy tuy đề bảng sai khác, văn chương không giống nhau, nhưng giáo pháp ấy chỉ là một vị, chỉ là bình đẳng. Hoặc không phân chia-hoặc không riêng khác, nhưng căn tánh của chúng sanh sai biệt và nhanh chậm không đồng, tâm hành sai khác và rộng lược khác nhau. Cơ duyên được hóa độ đã khác nhau, thì người là chủ thể hóa độ không thể tự như nhau được, khiến tiếp nhận tên gọi của giáo pháp đều sai khác, khiến lãnh hội nhân duyên của văn nghĩa đều riêng. Nghĩa là hoặc có chúng sanh dựa vào vị Già Đà Tu Lê Tỳ La của Phật mà được hiểu rõ. Hoặc có chúng sanh dựa vào vị Già Đà Thi Tu Lê Tỳ La của Bồ-tát mới được hiểu rõ, do đó vì hạng người này nên cần phải soạn ra luận.

Lại nữa, lúc Như Lai còn ở thế gian thì người là đối tượng được hóa độ thanh tịnh, người là chủ thể hóa độ đầy đủ tám mươi bốn ngàn loại sắc, bốn loại tâm biến trí, mười loại tác nghiệp, mười loại thù thắng, sáu mươi tám Phạm âm trọn vẹn và tám mươi tám diệu âm, phô diễn ngay

một lúc không có trước sau, vô lượng vô biên chủng loại sai khác thấy đều hiểu được. Hoặc có chúng sanh nhìn thấy sắc tướng mâu nhiệm của Phật mà được hiểu rõ. Hoặc có chúng sanh tư duy về tâm niệm của Phật mà được hiểu rõ. Hoặc có chúng sanh quán sát mười nghiệp, mười sự thù thắng của Như Lai mà được hiểu rõ. Hoặc có chúng sanh lắng nghe Phạm âm trọn vẹn và âm thanh vi diệu của Phật mà được hiểu rõ. Như vậy, bình đẳng hiểu rõ thông suốt thì không cần đến Luận. Sau khi Đức Phật diệt độ, người là đối tượng được hóa độ tạp loạn - người là chủ thể hóa độ thiếu sót, thì cơ duyên của kinh luận khác nhau - căn tánh rộng lược sai khác. Căn tức là bốn loại căn, cơ tức là cơ của ba thừa. Thế nào là bốn loại căn? Đó là:

1. Căn tự lực mở rộng.
2. Căn tự lực tóm lược.
3. Căn không có sức phải dựa vào nơi khác mở rộng.

4. Căn không có sức phải dựa vào nơi khác tóm lược. Trong bốn loại căn tánh như vậy, hai căn đầu là chúng Tu-đa-la (Khế kinh), hai căn sau là chúng Ưu Bà Đề Da (luận nghị).

Tại sao trong phần Nhân duyên thì người là đối tượng được hóa độ viên mãn, trong phần Căn tánh thì người là đối tượng được hóa độ lại nhỏ yếu? Vì muốn biểu hiện rõ ý lạc của Tăng đoàn thanh tịnh là không có giới hạn, vì muốn biểu hiện rõ chủng loại chúng sanh tiếp nhận giáo pháp thực hành có giới hạn thích hợp của mình. Vì nhân duyên gì mà xuất hiện hai tầng giáo pháp mở rộng và tóm lược? Tương trạng đó thế nào? Tụng nói:

*Vì bốn nguyện hệ thuộc
Xuất hiện pháp môn này
Khế kinh Lăng Già Vương
Giảng giải biểu hiện rõ.*

Luận nói: Do hệ thuộc với lực của nhân duyên, nên phát sinh ra hai tầng pháp môn rất sâu xa. Vì sao? Vì ở trong Khế kinh đã giải thích biểu thị rõ. Đó là trong Khế kinh Lăng Già Vương giải thích như vậy: “Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi: Ta nhớ từ trong vô lượng kiếp quá khứ, hơn năm trăm đời làm người Tiên nhân nhục, ở chốn núi rừng chuyên tâm tu hành các pháp thanh tịnh như thực hành hạnh thiếu dục, tri túc, bốn pháp Thánh chủng. Lúc ấy, có một con rắn lớn từ trên đỉnh núi bò xuống, đến gần chỗ Ta, nghe được những điều Ta đọc tụng, bèn gieo mình lễ lạy sám hối. Xong rồi, vùi đầu dưới đất, nghẹn ngào làm văn, nói lời kệ:

Làm người Tiên nhân nhục
 Cứ trú tại núi này
 Ngày sáu thời hành đạo
 Mà nhất thời nóng giận
 Vì sức của nhân duyên
 Nay phải làm thân rắn
 Thường chịu nhiều đau khổ
 Nếu sau khi mạng chung
 Được làm thân con người
 Con sẽ là đệ tử
 Theo Ngài để tu hành
 Những lời Ngài đọc tụng
 Con luôn đọc tụng
 Vì vậy bây giờ con
 Cảm thấy rất hổ thẹn.

Nói lời kệ này xong lập tức mạng chung, về sau được làm thân người làm đệ tử của Ta. Bây giờ, lời phát nguyện cũng hổ tương hệ thuộc. Nghĩa là Ta phát lời nguyện như vậy: Nếu Ta chứng được Đạo Vô thượng, sẽ tuyên thuyết chín mươi Lạc xoa giới thiệu rộng về khế kinh, làm lợi ích an vui cho tất cả chúng sanh. Tuyên thuyết Lạc xoa, giới thiệu tóm lược về khế kinh, làm lợi ích an vui cho toàn bộ chúng sanh. Tức là đệ tử của Ta, phát lời nguyện như vậy: Sau khi Thầy diệt độ, con sẽ tạo chín mươi bộ giới thiệu rộng về Ưu Bà Tát Đề Da, làm lợi ích an vui cho tất cả chúng sanh. Tạo mười bộ, giới thiệu tóm lược về Ưu Bà Tát Đề Da, làm lợi ích an vui cho toàn bộ chúng sanh. Vì nhân duyên này, nay Ta tuyên thuyết các khế kinh cùng một vị. Vì nhân duyên này, nên sau khi Ta diệt độ, đệ tử của Ta hiện tạo tác luận bàn về giáo pháp”.

Đã nói về phần Nhân duyên, tiếp theo nói về phần Lập nghĩa. Danh tự pháp môn trong phần Lập nghĩa, số đó có bao nhiêu và tướng đó là thế nào? Tụng nói:

Có ba mươi ba loại
 Mười sáu pháp đối tượng hội nhập
 Mười sáu môn chủ thể hội nhập
 Và không hai riêng khác.

Luận giải thích: Danh số, pháp môn trong phần Lập nghĩa, tổng quát có ba mươi ba loại sai biệt. Những gì là ba mươi ba loại sai biệt? Đó là mười sáu pháp căn bản là đối tượng hội nhập và mười sáu môn

là chủ thể hội nhập cùng Ma-ha-diễn không hai, tất cả đều sai biệt. Tại sao Ma-ha-diễn trở thành mười sáu loại? Vì trong Ma-ha-diễn căn bản đã chia ra tám loại. Trong ba nghĩa lớn của pháp giới nhất tâm đều chia ra hai loại. Tại sao môn chủ thể hội nhập trở thành mười sáu loại? Vì pháp giới Nhất tâm và ba nghĩa lớn đều có hai loại, hoặc đều chia ra hai loại môn. Đây gọi là số vốn có.

Đã nói về Pháp số, tiếp theo sẽ giải thích riêng.

Bổn Luận nói: Ma-ha-diễn là tổng, nêu bày có hai loại. Thế nào là hai loại? Đó là: 1. Pháp. 2. Nghĩa. Nói là pháp nghĩa là tâm chúng sanh. Tâm ấy thấu gồm tất cả pháp thế gian và pháp xuất thế gian, dựa vào tâm này hiển bày rõ nghĩa lý của Đại thừa (Ma-ha-diễn). Tại sao? Vì tâm này là tướng chân như, do đó bày tỏ thể của Đại thừa. Do tâm này là tướng nhân duyên sanh diệt, nên có thể bày tỏ tướng dụng nơi tự thể của Đại thừa.

Nói về nghĩa có ba loại. Thế nào là ba loại? Đó là:

1. Thể lớn, là tất cả các pháp đều một chân như bình đẳng không thêm không bớt.
2. Tướng lớn, là Như Lai tạng đầy đủ vô lượng pháp tánh công đức.
3. Dụng lớn, là có năng lực phát sanh tất cả mọi nhân quả thiện của thế gian và xuất thế gian, là đối tượng hành hóa gốc của tất cả chư Phật, tất cả Bồ-tát đều nhờ vào pháp này mà đến được địa Như Lai.

Luận giải thích: Trong văn này có ba phần. Thế nào là ba phần? Đó là:

1. Phần tổng thể căn bản của đối tượng hội nhập.
2. Phần biệt tướng của chủ thể nương tựa hướng nhập.
3. Phần thông suốt phép tắc bất động.

Hai chủng loại đều có hai lớp của chủng loại đó, là trú vào tư duy, thuận theo quán xét. Ma-ha-diễn là tổng, tức là phần tổng thể căn bản của đối tượng hội nhập, chính là trong Ma-ha-diễn căn bản có tám loại sai biệt. Thế nào là tám loại? Đó là:

1. Ma-ha-diễn là một thể một tâm.
2. Ma-ha-diễn có ba phần từ một tâm.
3. Ma-ha-diễn có vô lượng vô biên các pháp sai biệt là thể lớn không thêm không bớt.
4. Ma-ha-diễn vắng lặng không tạp loạn chỉ một vị bình đẳng là thể lớn không thêm không bớt.
5. Như Lai tạng gồm đủ công đức là tướng lớn của Ma-ha-diễn.

6. Đây đủ tánh công đức là tướng lớn của Ma-ha-diễn.

7. Có năng lực phát sanh tất cả nhân quả thế gian là dụng lớn của Ma-ha-diễn.

8. Có năng lực phát sanh tất cả nhân quả tốt đẹp xuất thế gian là dụng lớn của Ma-ha-diễn.

Đây gọi là tám loại. Tám loại pháp Ma-ha-diễn như vậy, đều từ chủ thể hội nhập mà kiến lập tên gọi. Nghĩa là dùng một thể một tâm làm môn cho pháp Ma-ha-diễn hướng nhập, nên gọi là Ma-ha-diễn một thể một tâm. Cho đến dùng năng lực phát sanh tất cả nhân quả thiện xuất thế gian làm dụng lớn, trở thành môn đã hướng nhập, gọi là có thể phát sanh tất cả nhân quả tốt đẹp xuất thế gian là dụng lớn của Ma-ha-diễn. Ví như Chuyển luân Thánh vương, nghĩa là như Luân Vương thuận theo tướng luân (vòng xe) của mình mà kiến lập tên gọi, pháp Ma-ha-diễn cũng lại như vậy, thuận theo tướng môn mà kiến lập tên gọi. Trong kinh Đại Giác giải thích như vậy: “Đức Phật nói với Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi: Hãy lắng nghe kỹ và cố gắng tư duy, nhớ đến điều ấy! Ta sẽ vì ông phân biệt giải thích, mở ra tám loại thân pháp. Như thế nào là tám loại? Đó là:

1. Thân pháp hướng nhập một thể.

2. Thân pháp cả ba tự hướng nhập.

3. Thân pháp hướng nhập thể lớn của các pháp sai biệt không tăng không giảm.

4. Thân pháp hướng nhập thể lớn của một tướng thuần tịnh, không xen tạp, không tăng giảm .

5. Thân pháp hướng nhập tướng lớn của Như Lai tạng gồm đủ công đức được hiển bày rõ.

6. Thân pháp hướng nhập tướng lớn của tánh công đức viên mãn được hiển bày rõ.

7. Thân pháp hướng nhập dụng lớn xuất sanh nhân quả thế gian tự tại vô ngại.

8. Thân pháp hướng nhập dụng lớn, xuất sanh nhân quả vi diệu xuất thế gian tu tập vô ngại.

Đây gọi là tám loại, cho đến nói rộng”.

Bồ-tát Mã Minh đích thực thấu tóm văn ấy, vì vậy giải thích Ma-ha-diễn là Tổng. Tổng nói đến trong này, là Tổng thể ở trong hai xứ, nghĩa là hướng lên trên và xuống dưới. Trong Luận Đại Tổng Địa chia ra tám mươi môn, giải thích riêng về pháp Ma-ha-diễn căn bản, nay tất cả thấu tóm mười thành một loại, nên chỉ thiết lập tám pháp. Do nơi

nghĩa nào mà có tám loại nên biết? Biệt tướng của chủ thể hội nhập có tám loại. Tổng thể của đối tượng được hội nhập có tám loại nên biết. Tướng pháp của tám thứ chủ thể hội nhập, đối tượng được hội nhập, hơn kém, rộng hẹp, tướng đó thế nào? Tụng nói:

*Bình đẳng, một bình đẳng
Đều không có sai khác
Vì thấu tóm các pháp
Cuối cùng không tạp loạn.*

Luận giải thích: Như vậy, mười sáu pháp tướng của chủ thể hội nhập và đối tượng được hội nhập, đầy khắp mọi nơi, hoàn toàn bình đẳng, một vị, một tướng đều không sai biệt. Vì sao? Vì thấu tóm các pháp hoàn toàn rốt ráo. Nếu như vậy thì gốc, ngọn cùng với chung, riêng, tất cả đều trộn lẫn trở thành tạp loạn chăng? Cuối cùng gốc, ngọn ấy không tạp loạn, môn riêng chung ấy trước sau chẳng phải là không có, nhưng mỗi mỗi thấy đều bằng nhau về lượng, nên nói là bình đẳng, không phải cho là một pháp nên gọi là bình đẳng.

Đã nói về lớp thứ nhất. Trong bốn loại pháp thuộc lớp thứ hai đều có đủ ba môn. Thế nào là ba môn? Đó là:

1. Môn quyết định pháp căn bản đã dựa vào.
2. Phần giới hạn thích hợp căn bản đã thấu tóm các pháp nơi ngọn.
3. Phần kiến lập hai loại Ma-ha-diễn.

Đã nói pháp nghĩa là tâm chúng sanh, tức là phần quyết định pháp căn bản đã dựa vào. Nay cần dựa vào tụng chính về Tổng trì để giải thích rõ. Tướng ấy như thế nào? Tụng nói:

*Chúng nghĩa là bốn chúng
Sanh là bốn loại sanh
Là một pháp giới tạng
Khắp nơi tám xứ kia.*

Luận nói: Chúng có bốn loại. Thế nào là bốn loại? Đó là:

1. Tất cả chúng Như Lai.
2. Tất cả chúng Bồ-tát.
3. Tất cả chúng Thanh văn.
4. Tất cả chúng Duyên giác.

Đây gọi là bốn chúng.

Sanh có bốn loại. Thế nào là bốn loại? Đó là:

1. Noãn sanh.
2. Thai sanh.

3. Thấp sanh.

4. Hóa sanh.

Đây gọi là bốn sanh.

Quá số đếm nên gọi là chúng, thọ sanh nên là sanh, là tâm của một pháp giới. Trong tám xứ kia đầy đủ trọn vẹn cùng khắp, không thể phân tích, không thể chia lìa, chỉ là một thể, chỉ là một tướng. Vì bốn loại chúng thâu gồm hết thảy các Thánh, vì bốn loại sanh thâu tóm tất cả các phàm, Luận sư Mã Minh vì biểu hiện một tâm rộng lớn đầy đủ trọn vẹn, gọi là chúng sanh. Trong kinh Thuận Lý giải thích như vậy: “Bấy giờ, Đức Thế Tôn phóng ra luồng ánh sáng lớn, biểu hiện thần lực xong, bảo với Phật tử: Hãy lắng nghe kỹ và cố gắng tư duy, nhớ đến điều ấy! Ta sẽ vì các ông phân biệt giải thích về một pháp giới tạng. Nay người thiện nam! Một pháp giới tạng nghĩa là khắp nơi các chúng Như Lai, các chúng Bồ-tát, các chúng Thanh văn, các chúng Duyên giác và các phàm phu, không nơi nào không thông suốt, không nơi nào không đến được, không nơi nào không ứng hợp, vì vậy gọi là một pháp giới tạng”.

Nay thâu tóm văn này nên gọi là chúng sanh. Trong sáu vạn kệ tụng trong Luận Bốn Tạng của Bồ-tát Mã Minh, đã chia ra mười loại môn giải thích riêng giảng rộng. Nay lược thâu tóm nên chỉ nói là chúng sanh. Đã nói về Phần quyết định pháp căn bản dựa vào. Tâm này tức thâu tóm tất cả các pháp thế gian và pháp xuất thế gian, đó chính là phần giới hạn thích hợp của căn bản thâu tóm pháp chi mật. Tướng đó như thế nào? Tụng nói:

*Là tâm một pháp giới
Thâu chung hai loại môn
Thâu tóm thế - xuất thế
Tạo pháp giới là pháp.*

Luận giải thích: Một tâm pháp giới thâu tóm chung tất cả pháp môn sanh diệt, vì vậy gọi là thâu tóm pháp thế gian. Thâu gồm chung tất cả các pháp thuộc về môn Chân như, vì vậy gọi là thâu tóm pháp xuất thế gian, đều làm thành pháp giới nên gọi là pháp. Trong Kinh Tự thể giải thích như vậy: “Quảng Đại Thần Vương tức thâu gồm tất cả các loại vô minh, tất cả các loại pháp nhiễm, tất cả các loại phẩm pháp thanh tịnh. Lại thâu tóm tất cả các pháp thanh tịnh, tất cả các pháp vô ngại, tất cả pháp giải thoát, tất cả pháp lìa dứt, tất cả pháp đầy đủ, tất cả các pháp vắng lặng. Nhưng Quảng Đại Thần Vương không phải là pháp thế gian, không phải là pháp xuất thế gian”. Nay thâu tóm văn này nên

gọi là gồm thâu. Trong tám vạn kệ tụng nơi Luận Quy Tông của Bồ-tát Mã Minh, đã chia ra hai mươi môn và giải thích tường tận, trong đây chỉ tóm lược nên như vậy.

Đã nói về phần giới hạn thích hợp của căn bản thâu tóm những pháp chi mật. Dựa vào tâm này biểu hiện rõ về những nghĩa lý của Ma-ha-diễn, chính là phần kiến lập hai loại Ma-ha-diễn. Tương đó như thế nào? Tụng nói:

*Nêu chung hai thứ môn
Nói dựa vào tâm này
Nêu chung hai pháp gốc
Chỉ rõ Ma-ha-diễn.*

Luận giải thích: Tổng quát nêu lên hai loại chủ thể hội nhập, nên nói là căn cứ vào tâm này. Tổng quát nêu lên hai loại pháp của đối tượng được hội nhập, nên nói là biểu hiện rõ nghĩa lý của Ma-ha-diễn.

Sao nói là hai môn? Đó là:

1. Môn tâm Chân như.
2. Môn tâm sanh diệt.

Sao nói là hai pháp gốc? Đó là:

1. Ma-ha-diễn của một thể.
2. Ma-ha-diễn của tự thể - tự tướng - tự dụng.

Như vậy, hai loại pháp căn bản của đối tượng hội nhập, hoặc thuận theo chủ thể hội nhập mà kiến lập tên gọi, nghĩa là dùng thể chân như làm môn của Ma-ha-diễn hướng về hội nhập, nên gọi là thể. Dùng tự tướng nơi tâm của Bản giác làm môn của Ma-ha-diễn hướng về hội nhập, nên gọi là tự. Vì môn chủ thể hội nhập có hai loại riêng, nên pháp căn bản của đối tượng hội nhập có hai loại cần biết. “Tại sao”: chính là lời thỉnh cầu thưa hỏi, nghĩa là do nghĩa gì mà trong câu “Dựa vào tâm này” có đủ hai loại môn. Trong câu “Biểu hiện rõ nghĩa của Ma-ha-diễn” có đủ hai loại pháp căn bản? Đáp: Thiết lập một tâm pháp giới thuộc môn Chân như, chính là biểu hiện rõ một Thể của pháp Ma-ha-diễn. Thiết lập một tâm pháp giới thuộc môn sanh diệt, có thể nêu rõ tự thể - tự tướng - tự dụng nơi pháp Ma-ha-diễn. Vì nghĩa này, nên biết đều có đủ hai môn và hai pháp.

Trong Kinh Đại Giác giải thích như vậy: “Lại nữa, này Văn-thù-sư-lợi! Có hai loại pháp rất sâu xa vi diệu không thể nghĩ bàn. Như thế nào là hai pháp? Đó là:

1. Ma-ha-diễn của thể tướng bình đẳng.
2. Ma-ha-diễn của tự tướng tự nhiên.

Nếu muốn chứng đắc hai loại pháp này, nên thực hành hai môn. Như thế nào là hai môn? Đó là:

1. Không đoan - không buộc.

2. Có đoan - có buộc. Cho đến nói rộng”. Nay thâu tóm văn này thực hiện giải thích như vậy. Trong Luận Đại Tổng Địa chia ra tám loại môn, giải thích rộng và rõ. Đã nói về phần kiến lập hai loại môn Ma-ha-diễn.

Trong nghĩa của ba đại đều lược bớt hai môn đầu và thiết lập một môn sau. Bồ-tát Mã Minh căn bản hướng về ý lạc, đưa phần sau thâu tóm phần đầu, phần giữa nên như vậy. Lại nữa, so với thứ tự tiếp theo biểu hiện rõ tất cả. Vì tụng hai nghĩa trên vốn chuyển dẫn tương ưng đưa đến nghĩa này.

1. Thể lớn, là nêu tổng quát hai loại pháp căn bản của đối tượng hội nhập. Sao nói là hai loại? Một là vô lượng vô biên các pháp sai biệt, nhưng Ma-ha-diễn không thêm không bớt. Hai là Ma-ha-diễn vắng lặng không tạp loạn, chỉ một vị bình đẳng, không thêm không bớt. Nghĩa là tất cả các pháp Chân như bình đẳng không thêm không bớt, là nêu tổng quát hai loại môn riêng của chủ thể hội nhập. Sao nói là hai loại? Nghĩa là như tên gọi của pháp căn bản, môn chủ thể hội nhập cũng như vậy.

2. Tướng lớn, là nêu tổng quát hai loại pháp căn bản của đối tượng hội nhập. Sao nói là hai loại? Một là Ma-ha-diễn của Như Lai tạng có đủ công đức. Hai là Ma-ha-diễn đầy đủ tánh công đức. Nói Như Lai tạng đầy đủ vô lượng tánh công đức, là nêu tổng quát hai loại biệt tướng của chủ thể hội nhập. Sao nói là hai loại? Đó là như tên gọi của pháp căn bản, môn cũng như vậy.

3. Dụng lớn, là nêu tổng quát hai loại pháp căn bản của đối tượng được hội nhập. Sao nói là hai loại? Một là Ma-ha-diễn có năng lực phát sanh tất cả nhân quả thế gian. Hai là Ma-ha-diễn có năng lực phát sanh tất cả nhân quả tốt đẹp của xuất thế gian. Nói Ma-ha-diễn có năng lực phát sanh tất cả nhân quả tốt đẹp của thế gian và xuất thế gian, là nêu tổng quát hai loại môn riêng biệt của chủ thể hội nhập. Sao nói là hai loại? Đó là như tên gọi của pháp căn bản, môn cũng vậy.

Ba loại nghĩa về lớn phân riêng từng phần để giải thích, như trong phẩm Bốn Địa của Luận Tổng Địa đã giải thích rõ.

Tại sao pháp Ma-ha-diễn bất nhị không có nhân duyên? Vì là pháp hết sức vi diệu, sâu xa, là tôn kính bậc nhất, xa rời mọi căn cơ. Vì sao xa rời mọi căn cơ? Vì không có căn cơ, đâu cần phải kiến lập hay không kiến lập. Pháp Ma-ha-diễn này là pháp của chư Phật đạt được

chăng? Có năng lực đối với chư Phật, nên chư Phật đạt được hay không? Bồ-tát, Nhị thừa và tất cả phàm phu cũng lại như vậy. Đại dương của tánh đức đầy đủ trọn vẹn là thế. Vì sao? Vì xa rời căn cơ, xa rời giáo thuyết.

Do đâu tám loại pháp căn bản bắt đầu từ nhân duyên? Vì ứng với cơ, thuận theo giáo thuyết.

Vì sao ứng với cơ? Vì có căn cơ. Như vậy, tám loại pháp căn bản, chư Phật đã đạt được chăng? Chư Phật đã đạt được, đạt được đối với chư Phật hay không? Bồ-tát, Nhị thừa và tất cả phàm phu cũng lại như vậy. Tu hành gieo trồng biến nhân là thế. Vì sao? Vì có căn cơ, vì có giáo thuyết. Tại sao pháp Ma-ha-diễn dựa vào môn Chân như để hướng vào mà chỉ lập tên gọi “Thể”? Tại sao dựa vào môn Chân như để hướng nhập mà pháp Ma-ha-diễn chỉ thiết lập tên gọi của tự mình? Do trong môn Chân như không có tướng khác biểu hiện, trong môn sanh diệt có tướng khác biểu hiện. Tướng khác, nghĩa là tất cả các loại pháp thuộc phẩm bất thiện. Tự, nghĩa là tất cả các loại pháp thuộc phẩm thanh tịnh. Nếu đối tượng được đối trị không có tướng khác, thì chủ thể đối trị tự nó không có, vì vậy chỉ nói là thể không nói tự. Nếu như đối tượng được đối trị có tướng khác, thì chủ thể đối trị tự nó cũng có, nên gọi là tự không chỉ là thể. Lại nữa, vì muốn biểu hiện rõ thể của một pháp giới là bình đẳng, bình đẳng không có riêng tư của mình, vô lượng tánh đức tự nhiên vốn có, không phải đạt được nhờ năng lực nào khác.

Hơn nữa, tùy nghi an lập, vì không có gì là cố định. Tại sao trong phần giải thích riêng về môn, một tâm biệt lập làm thành một, mà ba lớn hợp chung thành một, nhưng giống nhau, đều giải thích về hai loại Ma-ha-diễn? Nghĩa về ba lớn phù hợp, mới thuận theo có thể giải thích về hai loại Ma-ha-diễn. Tên gọi của nghĩa về lớn chung nơi ba loại, nên hợp làm một nghĩa, không có ý hướng gì khác. Nay đã chia ra rõ mười sáu pháp môn, hơn kém, rộng hẹp. Tướng đó thế nào? Tụng nói:

Bình đẳng, một bình đẳng

Đều không có sai khác

Vì thấu tóm các pháp

Cuối cùng không tạp loạn.

Luận giải thích: Mười sáu pháp môn của chủ thể hội nhập và đối tượng được hội nhập, đầy đủ trọn vẹn, hoàn toàn bình đẳng, hiện bày đủ khắp pháp giới không có sai biệt. Vì sao? Vì đều thấu tóm tất cả các pháp rốt ráo trọn vẹn, nhưng hoàn toàn không xen tạp giữa gốc và ngọn-chủ thể và đối tượng.

Đã nói về hai môn tổng - biệt, là đối tượng hành hóa căn bản của hết thầy chư Phật, tất cả Bồ-tát đều nhờ vào pháp này mà đến được địa Như Lai, chính là môn thông suốt phép tắc bất động. Nghĩa là số chư Phật đời quá khứ nhiều như vi trần, số chư Phật đời hiện tại nhiều như vi trần, số chư Phật đời vị lai nhiều như vi trần, thầy đều nhờ vào ba mươi hai loại này, an lập phương tiện rất sâu xa, đến được địa thanh tịnh vô thượng. Tất cả Bồ-tát trong ba đời khắp mười phương cũng lại như vậy. Bồ-tát nói đến trong này là chọn lấy chung tất cả chúng sanh trong ba Tụ. Vì sao? Vì không có một chúng sanh nào mà không thông đạt được địa Như Lai.

